

## LỜI MỞ ĐẦU

Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức thương mại thế giới ( WTO) vào ngày 7/11/2006. Cùng với việc chính thức trở thành thành viên của WTO, Việt Nam cũng chính thức phải thực hiện các cam kết đã đưa ra với WTO. Có nhiều cơ hội phát triển khi tham gia sân chơi chung, bình đẳng với các nền kinh tế trong khu vực và trên thế giới, song Việt Nam đã phải đối mặt với không ít những thách thức.

Thực tế cho thấy, để tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường ngoài việc nâng cao chất lượng, đa dạng hoá mẫu mã sản phẩm, phương thức phục vụ khách hàng..., thì điều đặc biệt quan trọng là phải tìm cách tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh nhằm hạ giá thành sản phẩm tạo lợi thế cạnh tranh về giá bán. Để đạt mục đích này, các nhà quản trị doanh nghiệp đặc biệt coi trọng việc sử dụng công cụ kế toán, nhất là kế toán nguyên vật liệu.

Trong các doanh nghiệp sản xuất, nguyên vật liệu là một trong 3 yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất và là cơ sở để hình thành sản phẩm mới. Do đó muốn tối đa hoá lợi nhuận bên cạnh việc sử dụng đúng loại nguyên vật liệu, đảm bảo chất lượng Doanh nghiệp phải biết sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguyên vật liệu. Hơn nữa, vật liệu còn là một bộ phận quan trọng của hàng tồn kho do đó việc hạch toán và quản lý nguyên vật liệu đúng, đủ và kịp thời cho sản xuất đồng thời kiểm tra, giám sát được việc chấp hành các định mức tiêu hao nguyên vật liệu dự trữ, ngăn chặn việc sử dụng lãng phí vật liệu. Như vậy, có thể nói việc quản lý nguyên vật liệu là cần thiết từ đó đòi hỏi công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu phải được thực hiện tốt, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, hạ thấp chi phí trong giá thành.

Xuất phát từ những lý do trên, đồng thời qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Tân Vũ em đã đi sâu tìm hiểu thực tế và nhận thấy được tầm quan trọng của nguyên vật liệu đối với quá trình sản xuất, sự cần thiết phải tổ chức quản lý nguyên vật liệu và công tác kế toán nguyên vật liệu của công ty; với những kiến thức thu nhận được trong quá trình học tập tại nhà trường; sự giúp đỡ nhiệt tình của các cô chú, anh chị trong phòng Tài chính- Kế

toán, đặc biệt với sự hướng dẫn tận tình của cô giáo Th.s Nguyễn Thị Thúy Hồng em đã đi sâu nghiên cứu về đề tài:

**“Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Tân Vũ”.**

Ngoài phần mở đầu và kết luận bài viết của em gồm 3 chương:

*Chương I: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.*

*Chương II: Thực trạng tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Thương mại và Vận tải Tân Vũ.*

*Chương III: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Thương mại và vận tải Tân Vũ.*

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày tháng năm 2012

Sinh viên

Nguyễn Thị Minh Châm

## CHƯƠNG I

# NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP

### 1.1 Một số vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu

#### 1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của nguyên vật liệu

Theo chuẩn mực kế toán số 02, hàng tồn kho là những tài sản:

- Được giữ để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường
- Đang trong quá trình sản xuất, kinh doanh dở dang
- Nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ để sử dụng trong quá trình sản

xuất kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ.

Nguyên vật liệu là một bộ phận của hàng tồn kho, là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của sản phẩm được sản xuất.

Nguyên vật liệu là những đối tượng lao động mua ngoài hoặc tự chế biến cần thiết trong quá trình hoạt động sản xuất của doanh nghiệp. Đặc điểm của nguyên vật liệu là chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất nhất định và trong chu kỳ sản xuất đó, nguyên vật liệu sẽ bị tiêu hao toàn bộ hoặc bị biến đổi hình thái vật chất ban đầu để cấu thành thực thể của sản phẩm. Về mặt giá trị, do chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất nhất định nên khi tham gia vào sản xuất, giá trị của nguyên vật liệu sẽ được tính hết một lần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Do đặc điểm này, nguyên vật liệu được xếp vào tài sản lưu động của doanh nghiệp.

Đồng thời, nguyên vật liệu là một yếu tố chi phí: chi phí nguyên liệu, vật liệu tạo nên thực thể sản phẩm hoàn thành. Xét về góc độ giá trị, nó cấu thành giá thành sản phẩm và giá vốn của hàng xuất bán.

#### 1.1.2. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, lợi nhuận đã trở thành mục đích cuối cùng của sản xuất kinh doanh. Mọi quan hệ tỷ lệ nghịch giữa chi phí và lợi

nhuận ngày càng được quan tâm. Vì thế các doanh nghiệp đều ra sức tìm con đường giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm. Do vậy với tỷ trọng chiếm khoảng 60-70% tổng chi phí, nguyên vật liệu cần được quản lý thật tốt.

Nếu doanh nghiệp biết sử dụng nguyên vật liệu một cách tiết kiệm, hợp lý thì sản phẩm làm ra càng có chất lượng tốt mà giá thành lại hạ tạo ra môi trường quan có lợi cho doanh nghiệp trên thị trường. Quản lý nguyên vật liệu càng khoa học thì cơ hội đạt hiệu quả kinh tế càng cao. Với vai trò như vậy nên yêu cầu quản lý nguyên vật liệu cần chặt chẽ trong tất cả các khâu từ khâu thu mua, dự trữ và bảo quản đến khâu sử dụng.

- **Khâu thu mua:** đòi hỏi phải quản lý tốt về mặt khối lượng, chất lượng, quy cách, chủng loại, kế hoạch thu mua theo đúng kế hoạch sản xuất kinh doanh, đặc biệt là giá mua và chi phí mua.

- **Khâu bảo quản:** việc tổ chức kho tàng bên bãi phải thực hiện đúng chế độ bảo quản đối với từng loại nguyên vật liệu tránh hư hỏng, mất mát, hao hụt; đảm bảo an toàn chất lượng cho nguyên vật liệu.

- **Khâu dự trữ:** đòi hỏi doanh nghiệp phải xác định được mức dự trữ tối đa, tối thiểu để đảm bảo nguồn cung ứng, sản xuất không bị ngừng trệ.

- **Khâu sử dụng:** đòi hỏi các nhà quản lý phải sử dụng một cách hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả trên cơ sở định mức tiêu hao và dự toán chi phí có ý nghĩa trong việc hạ thấp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Vì vậy trong khâu này cần phải tổ chức tốt việc ghi chép, phản ánh tình hình xuất dùng nguyên vật liệu.

Như vậy, công tác quản lý vật liệu rất quan trọng. Trong thực tế vẫn còn có nhiều doanh nghiệp để thất thoát nguyên vật liệu do không có sự quản lý tốt ở các khâu hoặc không thực hiện đúng yêu cầu. Vậy nên, để quản lý tốt nguyên vật liệu thì doanh nghiệp phải luôn cải tiến công tác quản lý nguyên vật liệu cho phù hợp với thực tế.

### **1.1.3. Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu**

#### **1.1.3.1. Phân loại nguyên vật liệu**

Nguyên vật liệu sử dụng trong doanh nghiệp bao gồm nhiều chủng loại

khác nhau với nội dung kinh tế, công dụng trong quá trình sản xuất và tính năng lý, hóa khác nhau. Do vậy, để quản lý chặt chẽ và tổ chức hạch toán chi tiết với từng chủng loại nguyên vật liệu, phục vụ cho yêu cầu phân tích, đánh giá tình hình cung cấp, sử dụng nguyên vật liệu cần phải có cách phân loại phù hợp, thích ứng.

*\* Căn cứ vào công dụng chủ yếu của nguyên vật liệu thì nguyên vật liệu được chia thành các loại:*

- Nguyên vật liệu chính: bao gồm các loại nguyên liệu, vật liệu tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất thì cấu thành nên thực thể vật chất, thực thể chính của sản phẩm.

- Nguyên vật liệu phụ: bao gồm các loại nguyên vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất, không cấu thành thực thể chính của sản phẩm, được sử dụng kết hợp với nguyên vật liệu chính để nâng cao chất lượng cũng như tính năng, tác dụng của sản phẩm và các loại nguyên vật liệu phục vụ cho công việc lao động của công nhân.

- Nhiên liệu: Là những loại vật liệu có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất, kinh doanh như: xăng, dầu ... tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm diễn ra bình thường. Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể lỏng, thể rắn và thể khí.

- Phụ tùng thay thế: Là những loại vật tư, phụ tùng, chi tiết được sử dụng cho việc thay thế, sửa chữa các loại tài sản cố định là máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, truyền dẫn.

- Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản: Là những loại vật liệu và thiết bị được sử dụng cho công việc xây dựng cơ bản. Đối với thiết bị xây dựng cơ bản bao gồm cả thiết bị cần lắp, thiết bị không cần lắp, công cụ, khí cụ và vật kết cấu dùng để lắp đặt vào công trình xây dựng cơ bản.

- Vật liệu khác: Là những loại vật liệu chưa được xếp vào các loại trên, thường là những vật liệu được loại ra từ quá trình sản xuất như sắt, thép, gỗ vụn hay phế liệu thu hồi được từ việc thanh lý tài sản cố định.

**Tác dụng:** Cách phân loại này là cơ sở để xây dựng định mức tiêu hao,

định mức dự trữ cho từng loại, từng thứ nguyên vật liệu và cũng là cơ sở để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

*\* Căn cứ vào nguồn gốc nguyên vật liệu, chia nguyên vật liệu thành:*

- Nguyên vật liệu mua ngoài.
- Nguyên vật liệu tự chế biến, thuê gia công.
- Nguyên vật liệu từ các nguồn khác: nhận góp vốn, cấp phát, tài trợ, biếu tặng.

**Tác dụng:** Cách phân loại này làm căn cứ cho việc lập kế hoạch thu mua và kế hoạch sản xuất nguyên vật liệu, là cơ sở để xác định trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu nhập kho.

*\* Căn cứ vào mục đích, công dụng của nguyên vật liệu có thể chia nguyên vật liệu thành:*

- Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh gồm:
  - + Nguyên vật liệu dùng trực tiếp cho sản xuất, chế tạo sản phẩm.
  - + Nguyên vật liệu dùng cho quản lý ở các phân xưởng, dùng cho bộ phận bán hàng, bộ phận quản lý doanh nghiệp.
- Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu khác:
  - + Nhượng bán.
  - + Đem góp vốn liên doanh.
  - + Đem biếu tặng.

**Tác dụng:** Cách phân loại này giúp cho việc xác định trọng tâm cần phải quản lý những loại nguyên vật liệu nào. Ngoài các cách phân loại vật liệu như trên, để phục vụ cho việc quản lý vật tư một cách tỉ mỉ, chặt chẽ, đặc biệt trong điều kiện ứng dụng tin học vào công tác kế toán cần phải lập danh điểm vật liệu. Lập danh điểm vật liệu là quy định cho mỗi thứ vật liệu một ký hiệu riêng bằng hệ thống các chữ số (Kết hợp với các chữ cái) thay thế tên gọi, quy cách, kích cỡ của chúng. Tùy theo từng doanh nghiệp, hệ thống danh điểm vật tư có thể được xây dựng theo nhiều cách thức khác nhau nhưng phải đảm bảo đơn giản, dễ nhớ, không trùng lặp. Thông thường hay dùng ký hiệu tài khoản cấp 1, tài khoản cấp 2 để ký hiệu loại, nhóm vật liệu kết hợp với chữ cái tên vật tư để ký hiệu tên vật

tu.

Danh điểm vật tư được sử dụng thống nhất giữa các bộ phận quản lý liên quan trong doanh nghiệp nhằm thống nhất trong quản lý từng thứ vật tư.

### ***1.1.3.2. Đánh giá nguyên vật liệu.***

#### ***1.1.3.2.1. Nguyên tắc đánh giá nguyên vật liệu.***

Đánh giá nguyên vật liệu là việc xác định giá trị của vật liệu ở những thời điểm nhất định và theo những nguyên tắc nhất định. Các nguyên tắc đánh giá nguyên vật liệu:

- Nguyên tắc giá gốc: Theo chuẩn mực 02 – Hàng tồn kho vật liệu phải được đánh giá theo giá gốc. Giá gốc hay được gọi là trị giá vốn thực tế của vật liệu là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có được những vật liệu đó ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Nguyên tắc thận trọng: Vật liệu được đánh giá theo giá gốc, nhưng trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể được thực hiện. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

- Nguyên tắc nhất quán: Các phương pháp kế toán áp dụng trong đánh giá vật liệu phải đảm bảo tính nhất quán. Tức là kế toán đã chọn phương pháp nào thì phải áp dụng phương pháp đó nhất quán trong suốt niên độ kế toán. Doanh nghiệp có thể thay đổi phương pháp đã chọn, nhưng phải đảm bảo phương pháp thay thế cho phép trình bày thông tin kế toán một cách trung thực và hợp lý hơn, đồng thời phải giải thích được ảnh hưởng của sự thay đổi đó.

Sự hình thành trị giá vốn thực tế của vật liệu được phân biệt ở các thời điểm khác nhau trong quá trình sản xuất kinh doanh:

- + Thời điểm mua xác định trị giá vốn thực tế hàng mua.
- + Thời điểm nhập kho xác định trị giá vốn thực tế hàng nhập.
- + Thời điểm xuất kho xác định trị giá vốn thực tế hàng xuất.
- + Thời điểm tiêu thụ xác định trị giá vốn thực tế hàng tiêu thụ.

#### ***1.1.3.2.2. Đánh giá nguyên vật liệu.***

**\* *Đánh giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho***

Theo chuẩn mực kế toán số 02: "Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được". Trong đó:

*Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:* chi phí thu mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

*Giá trị thuần có thể thực hiện được:* là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Cụ thể:

- Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ khỏi chi phí mua.

- Chi phí chế biến hàng tồn kho bao gồm những chi phí có liên quan trực tiếp đến sản phẩm sản xuất như chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu, vật liệu thành thành phẩm.

- Chi phí liên quan trực tiếp khác tính vào giá gốc hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí khác ngoài chi phí thu mua và chi phí chế biến hàng tồn kho.

- Chi phí không được tính vào giá gốc hàng tồn kho, gồm:

+ Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.

+ Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các khoản chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản trong quá trình mua hàng.

+ Chi phí bán hàng.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp.



Trên thực tế, nguyên vật liệu có thể được nhập từ nhiều nguồn khác nhau, do đó, tùy theo nguồn nhập mà giá thực tế của nguyên vật liệu được xác định như sau:

*\*Đối với nguyên vật liệu mua ngoài*

$$\text{Giá nhập kho} = \text{Giá mua ghi trên hóa đơn} + \text{Chi phí thu mua thực tế} - \text{Khoản giảm giá được hưởng}$$

Nếu nguyên vật liệu mua từ nước ngoài thì thuế nhập khẩu được tính vào giá nhập kho. Khoản thuế GTGT phải nộp khi mua nguyên vật liệu cũng được tính vào giá nhập nếu doanh nghiệp không thuộc diện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Trong đó giá mua ghi trên hóa đơn được xác định như sau:

+ Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì giá trị nguyên vật liệu mua vào là giá mua thực tế không bao gồm thuế GTGT đầu vào.

+ Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp và cơ sở kinh doanh không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT thì giá trị nguyên vật liệu mua vào là tổng giá thanh toán phải trả cho người bán (bao gồm cả thuế GTGT đầu vào).

Chi phí thu mua thực tế bao gồm: chi phí vận chuyển, bốc dỡ, bảo quản, chi phí thuê kho, thuê bãi, tiền phạt, tiền bồi thường...

Các khoản giảm giá bao gồm: Chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán.

*\*Đối với nguyên vật liệu tự sản xuất:* giá nhập kho là giá thành thực tế sản xuất nguyên vật liệu.

*\*Đối với nguyên vật liệu thuê ngoài gia công chế biến:*

$$\text{Giá thực tế nhập kho} = \text{Giá thực tế vật liệu xuất thuê ngoài gia công} + \text{Chi phí vận chuyển bốc dỡ thuê kho} + \text{Chi phí phải trả cho bên nhận gia công}$$

*\*Đối với nguyên vật liệu được cấp:*

$$\text{Giá nhập kho} = \text{Giá do đơn vị cấp thông báo} + \text{Chi phí vận chuyển, bốc dỡ}$$

*\*Đối với nguyên vật liệu nhận vốn góp:* giá nhập kho là giá do hội đồng

định giá xác định (được sự chấp nhận của các bên có liên quan).

*\*Đối với nguyên vật liệu được biếu tặng:* giá nhập kho là giá thực tế được xác định theo thời giá trên thị trường.

***\* Đánh giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho***

Nguyên vật liệu được nhập kho từ nhiều nguồn khác nhau, ở nhiều thời điểm khác nhau nên có nhiều giá khác nhau. Do đó, khi xuất kho nguyên vật liệu, tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động, yêu cầu, trình độ quản lý và điều kiện trang bị phương tiện kỹ thuật tính toán ở từng doanh nghiệp mà lựa chọn một trong bốn phương pháp để xác định giá trị thực tế của nguyên vật liệu xuất kho.

Theo chuẩn mực kế toán số 02 về hàng tồn kho, việc tính giá trị hàng tồn kho được áp dụng theo một trong bốn phương pháp sau: phương pháp tính theo giá đích danh; phương pháp bình quân gia quyền; phương pháp nhập trước, xuất trước; phương pháp nhập sau, xuất trước.

Khi xuất kho kế toán tính toán, xác định giá trị thực tế xuất kho theo đúng phương pháp đã đăng ký áp dụng và phải đảm bảo tính nhất quán trong niên độ kế toán.

***\*Phương pháp tính theo giá đích danh***

Theo phương pháp này, khi xuất kho nguyên vật liệu thì căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô nào và đơn giá thực tế của lô đó để tính trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu xuất kho. Phương pháp này được áp dụng cho những doanh nghiệp có chủng loại nguyên vật liệu ít và nhận diện từng lô hàng. Phương pháp này có ưu điểm: Xác định được chính xác giá vật tư xuất làm cho chi phí hiện tại phù hợp với doanh thu hiện tại. Nhưng trong trường hợp đơn vị có nhiều mặt hàng, nhập xuất thường xuyên thì khó theo dõi và công việc của kế toán chi tiết vật liệu sẽ rất phức tạp.

***\*Phương pháp bình quân gia quyền:***

Theo phương pháp bình quân gia quyền, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua sắm hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về,

phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp. Trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu xuất kho được tính căn cứ vào số lượng nguyên vật liệu xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền theo công thức:

$$\text{Trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu xuất kho} = \frac{\text{Số lượng nguyên vật liệu xuất kho}}{\text{Đơn giá bình quân gia quyền}} \times$$

$$\text{Đơn giá bình quân} = \frac{\text{Trị giá thực tế tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá vốn thực tế nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

- Đơn giá bình quân thường được tính cho từng thứ nguyên vật liệu.
- Đơn giá bình quân có thể xác định cho cả kỳ được gọi là đơn giá bình quân cả kỳ hay đơn giá bình quân cố định. Theo cách tính này, khối lượng tính toán giảm nhưng chỉ tính được trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu vào thời điểm cuối kỳ nên không thể cung cấp thông tin kịp thời.

- Đơn giá bình quân có thể xác định sau mỗi lần nhập được gọi là đơn giá bình quân liên hoàn hay đơn giá bình quân di động. Theo cách tính này, hàng ngày cung cấp thông tin được kịp thời nhưng khối lượng công việc tính toán sẽ nhiều hơn nên phương pháp này rất thích hợp đối với những doanh nghiệp làm kế toán máy.

$$\text{ĐGBQ sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Trị giá nguyên vật liệu tồn kho mỗi lần nhập} + \text{Trị giá nguyên vật liệu nhập kho}}{\text{Số lượng nguyên vật liệu tồn kho mỗi lần nhập} + \text{Tổng lượng nguyên vật liệu nhập kho}}$$

*\*Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)*

Phương pháp nhập trước, xuất trước áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

Vậy theo phương pháp này, số nguyên vật liệu nào nhập trước sẽ xuất trước và lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng. Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm, cho phép kế toán có thể tính giá nguyên vật liệu xuất kho kịp thời. Nhược điểm của phương pháp này làm cho doanh thu hiện tại không phù hợp với những chi phí hiện tại.

*\*Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)*

Phương pháp nhập sau, xuất trước áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

Vậy theo phương pháp này, số nguyên vật liệu nhập sau sẽ được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập đầu tiên. Phương pháp này thích hợp trong trường hợp lạm phát. Nhưng trong trường hợp giá cả của vật tư biến động mạnh thì việc xuất theo phương pháp này sẽ mất tính chính xác và sẽ gây bất hợp lý.

#### **1.1.4. Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu**

Để góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý nguyên vật liệu, kế toán nguyên vật liệu cần phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

(1) Phản ánh chính xác, kịp thời và kiểm tra chặt chẽ tình hình cung cấp nguyên vật liệu trên các mặt: số lượng, chất lượng, chủng loại, giá trị và thời gian cung cấp.

(2) Tính toán và phân bổ chính xác, kịp thời giá trị nguyên vật liệu xuất dùng cho các đối tượng khác nhau, kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện định mức tiêu hao nguyên vật liệu, phát hiện và ngăn chặn kịp thời những trường hợp sử dụng nguyên vật liệu sai mục đích, lãng phí.

(3) Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện định mức dự trữ nguyên vật

liệu, phát hiện kịp thời các loại nguyên vật liệu ứ đọng, kém phẩm chất, chưa cần dùng và có biện pháp giải phóng để thu hồi vốn nhanh chóng, hạn chế các thiệt hại.

(4) Thực hiện việc kiểm kê nguyên vật liệu theo yêu cầu quản lý, lập các báo cáo về nguyên vật liệu, tham gia công tác phân tích việc thực hiện kế hoạch thu mua, dự trữ, sử dụng nguyên vật liệu.

## **1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.**

### **1.2.1. Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.**

Kế toán chi tiết nguyên vật liệu là việc hạch toán kết hợp giữa thủ kho và phòng kế toán trên cùng cơ sở các chứng từ nhập, xuất kho nhằm đảm bảo theo dõi chặt chẽ số hiện có và tình hình biến động của từng loại, từng nhóm, thứ vật tư về số lượng và giá trị.

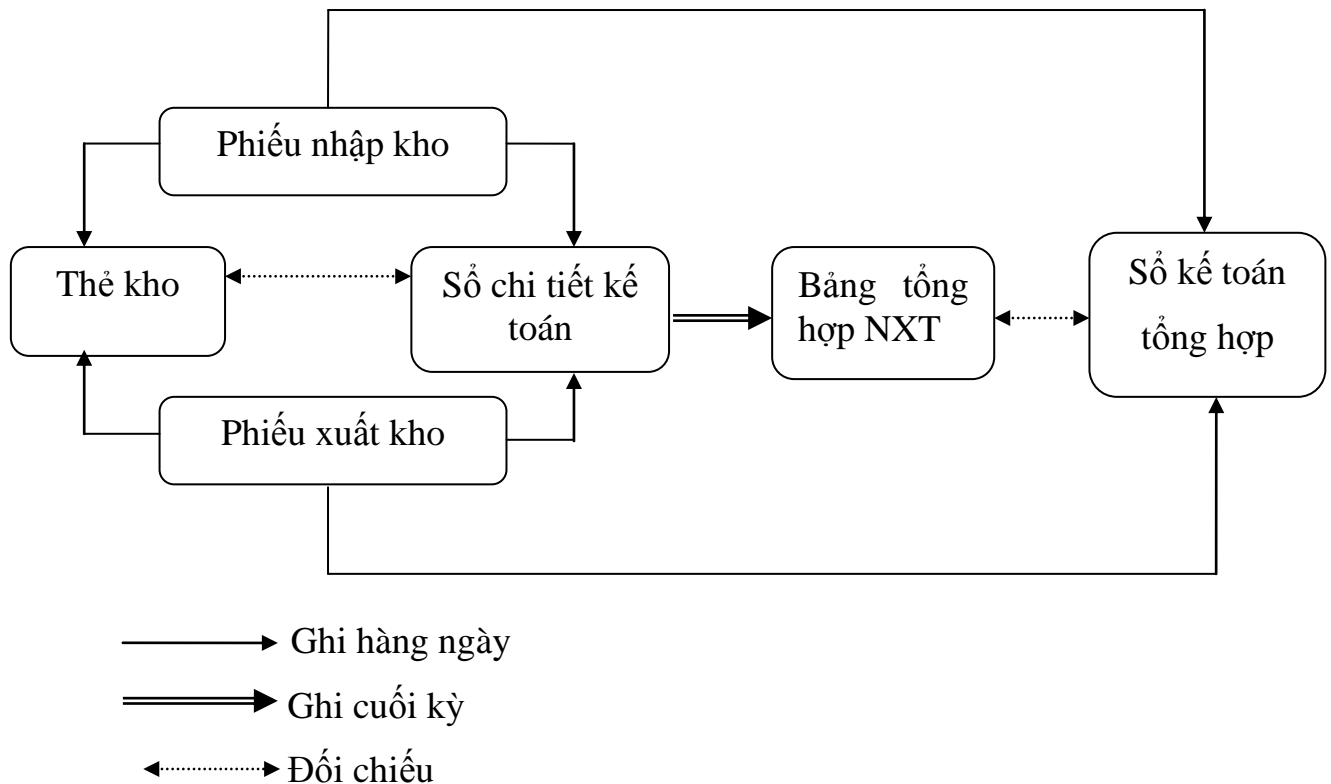
Các doanh nghiệp phải tổ chức hệ thống chứng từ, mở sổ kế toán chi tiết và vận dụng phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu phù hợp để góp phần tăng cường quản lý nguyên vật liệu.

Hiện nay, tùy theo đặc điểm của từng doanh nghiệp, tùy theo trình độ của nhân viên kế toán và thủ kho, để tổ chức hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong ba phương pháp: Thẻ song song, Sổ đối chiếu luân chuyển và Sổ số dư.

**1.2.1.1. Phương pháp thẻ song song**

Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song được mô tả theo sơ đồ 1.1 như sau:

**Sơ đồ 1.1: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song**



**\*Quy trình hạch toán:**

- **Tại kho:** Hàng ngày, thủ kho căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất nguyên vật liệu ghi số lượng thực nhập, thực xuất vào thẻ kho, cuối tháng tính ra số tồn kho ghi vào thẻ kho. Thủ kho phải thường xuyên đối chiếu số tồn trên thẻ kho và số thực tế có trong kho. Hàng ngày hoặc định kỳ sau khi ghi thẻ kho, thủ kho phải chuyển toàn bộ chứng từ nhập, xuất kho về phòng kế toán.

- **Tại phòng kế toán:** Kế toán nguyên vật liệu mở thẻ (sổ) kế toán chi tiết nguyên vật liệu cho từng danh điểm vật liệu tương ứng với thẻ kho mở ở kho. Thẻ (sổ) này có nội dung tương tự thẻ kho, chỉ khác là theo dõi cả về mặt giá trị. Hàng ngày hoặc định kỳ, khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho do thủ kho chuyển tới, nhân viên kế toán nguyên vật liệu phải kiểm tra, đối chiếu và ghi

đơn giá hạch toán vào thẻ (sổ) kế toán chi tiết nguyên vật liệu và tính ra số tiền. Cuối tháng, tiến hành cộng thẻ (sổ) kế toán chi tiết và đối chiếu với thẻ kho. Để thực hiện đối chiếu giữa kế toán tổng hợp và chi tiết, kế toán phải căn cứ vào thẻ (sổ) kế toán chi tiết để lập bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn kho của từng loại nguyên vật liệu. Số liệu của bảng này được đối chiếu với số liệu của phần kế toán tổng hợp.

**\*Điều kiện áp dụng:** Cho những doanh nghiệp có ít chủng loại vật tư, hàng hóa, khối lượng nhập, xuất không nhiều và trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán không cao.

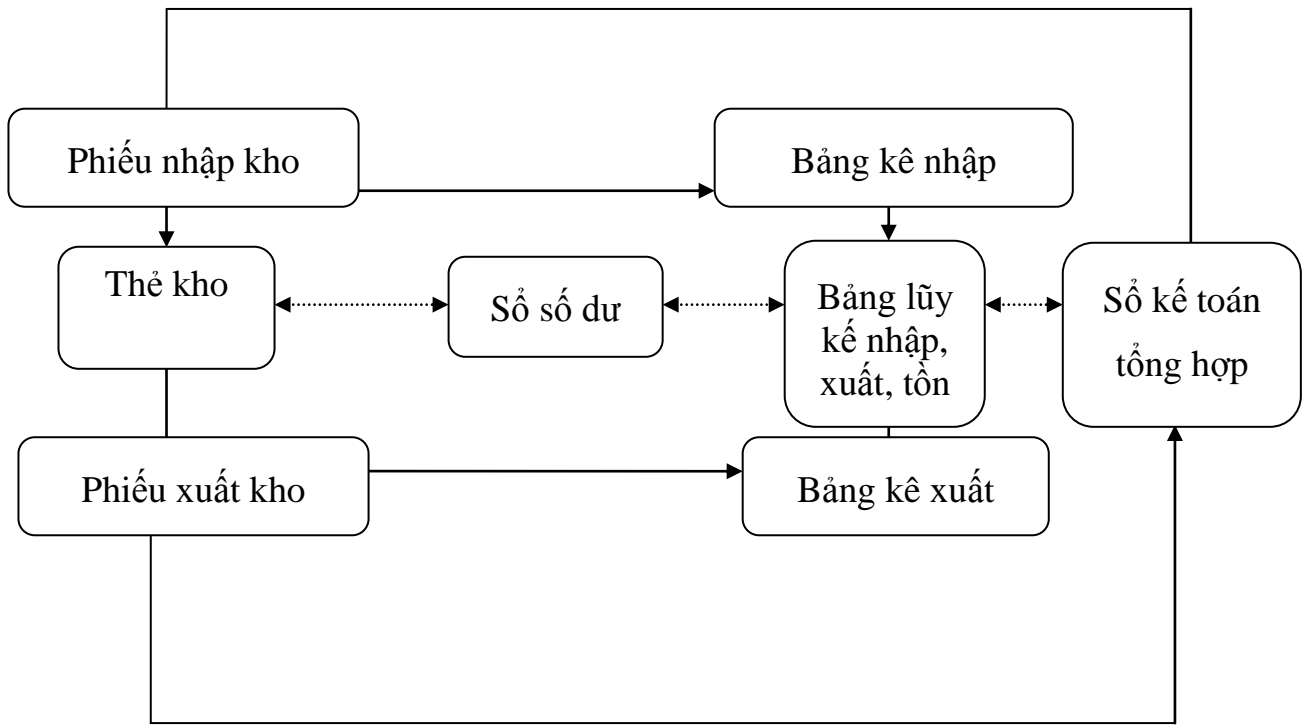
**-Ưu điểm:** Phương pháp này đơn giản, dễ làm, dễ đối chiếu, kiểm tra, đảm bảo độ tin cậy cao, có khả năng cung cấp thông tin nhanh cho kế toán quản trị.

**-Nhược điểm:** Khối lượng công việc ghi chép lớn, ghi chép trùng lặp giữa thủ kho và kế toán.

**1.2.1.2. Phương pháp sổ số dư**

Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư được mô tả qua sơ đồ 1.2 như sau:

**Sơ đồ 1.2:** Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư



————→ Ghi hàng ngày

=====> Ghi cuối kỳ

◄-----► Đối chiếu

**\*Quy trình hạch toán:**

- **Tại kho:** Hàng ngày hoặc định kỳ sau khi ghi thẻ kho xong, thủ kho tập hợp toàn bộ chứng từ nhập, xuất kho phát sinh trong ngày, trong kỳ và phân loại theo từng nhóm chi tiết cho nguyên vật liệu theo quy định. Sau đó lập phiếu giao nhận chứng từ trong đó ghi số lượng, số hiệu chứng từ của từng nhóm nguyên vật liệu và giao cho phòng kế toán kèm theo phiếu nhập, xuất kho. Cuối tháng, thủ kho ghi số lượng vật liệu tồn kho theo từng danh mục vào sổ số dư. Sổ số dư được kế toán mở cho từng kho và ghi cả năm, cuối tháng kế toán giao cho thủ kho để ghi vào sổ, ghi xong thủ kho phải chuyển trả cho phòng kế toán để kiểm tra và tính thành tiền cho vật liệu.



- **Tại phòng kế toán:** Định kỳ, nhân viên kế toán phải xuống kho để hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép thẻ kho của thủ kho và thu nhận chứng từ. Khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho của thủ kho, kế toán kiểm tra chứng từ, ghi giá hạch toán và tính thành tiền cho vật liệu. Tổng cộng số tiền trên chứng từ nhập, xuất kho theo từng nhóm nguyên vật liệu để ghi vào cột số tiền trên phiếu giao nhận chứng từ, căn cứ vào phiếu này ghi vào bảng nhập-xuất-tồn. Bảng này mở cho từng kho, mỗi kho một tờ, ghi trên cơ sở chứng từ nhập-xuất. Cuối tháng tính ra số tồn kho trên bảng kê nhập-xuất-tồn. Số liệu tồn kho của từng nhóm vật liệu sử dụng để đối chiếu với sổ số dư và đối chiếu với kế toán tổng hợp theo từng nhóm.

**\*Điều kiện áp dụng:** Phương pháp này sử dụng cho các doanh nghiệp dùng giá hạch toán để hạch toán vật liệu nhập-xuất-tồn kho.

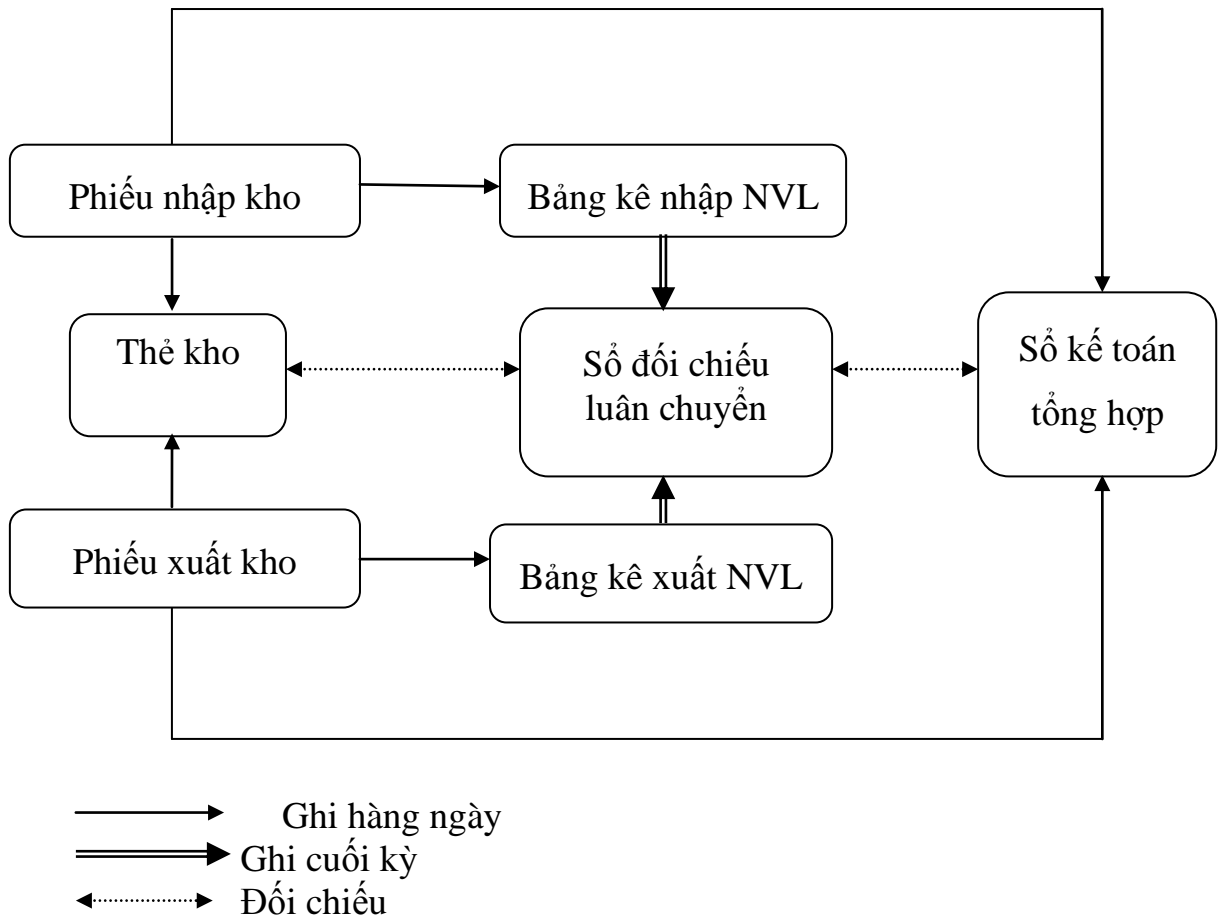
- **Ưu điểm:** Hạn chế việc ghi chép trùng lặp giữa thủ kho và phòng kế toán, cho phép kiểm tra thường xuyên công việc ghi chép ở kho, đảm bảo số liệu kế toán kịp thời, chính xác.

- **Nhược điểm:** Không biết được sự biến động của từng thứ nguyên vật liệu, việc kiểm tra, phát hiện sai sót, nhầm lẫn giữa kho và phòng kế toán rất phức tạp.

### 1.2.1.3. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển được miêu tả qua sơ đồ 1.3 như sau:

*Sơ đồ 1.3: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển*



**\*Quy trình hạch toán:**

- **Tại kho:** thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu giống như phương pháp thẻ song song.

- **Tại phòng kế toán:** Kế toán sử dụng sổ đối chiếu luân chuyển để hạch toán số lượng và số tiền của từng loại nguyên vật liệu theo từng kho. Sổ này ghi mỗi tháng một lần vào cuối tháng trên cơ sở tổng hợp các chứng từ nhập, xuất phát sinh trong tháng của từng loại nguyên vật liệu, mỗi loại chỉ ghi một dòng trong sổ. Sau đó tính ra số tồn kho cuối tháng và ghi vào sổ đối chiếu luân

chuyên. Cuối tháng tiến hành kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho và số liệu kế toán tổng hợp.

**\*Điều kiện áp dụng:** Phù hợp với những doanh nghiệp có ít chủng loại nguyên vật liệu, không có điều kiện ghi chép nhập, xuất hàng ngày. Phương pháp này thường ít áp dụng trong thực tế.

**-Ưu điểm:** Khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi một lần vào cuối tháng.

**-Nhược điểm:** Việc ghi sổ bị trùng lặp giữa thủ kho và phòng kế toán do việc kiểm tra đối chiếu số lượng chỉ được tiến hành vào cuối tháng nên vẫn hạn chế trong kiểm tra.

### **1.2.2. Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.**

Để đáp ứng yêu cầu quản trị doanh nghiệp, kế toán nguyên vật liệu phải được tiến hành đồng thời ở kho và phòng kế toán trên cùng một cơ sở chứng từ theo chế độ chứng từ kế toán quy định được ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Các chứng từ về kế toán nguyên vật liệu đã ban hành bao gồm:

- |  |              |
|--|--------------|
| - Phiếu nhập kho   | Mẫu số 01-VT |
| - Phiếu xuất kho   | Mẫu số 02-VT |
| - Biên bản kiểm nghiệm vật tư  | Mẫu số 03-VT |
| - Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ   | Mẫu số 04-VT |
| - Biên bản kiểm kê vật tư  | Mẫu số 05-VT |
| - Bảng kê mua hàng   | Mẫu số 06-VT |
| - Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ   | Mẫu số 07-VT |
| - Các chứng từ khác có liên quan như: Hóa đơn GTGT, Phiếu chi, Giấy đề nghị tạm ứng, Giấy báo nợ, Ủy nhiệm chi,... |              |

Chứng từ kế toán ban hành đều là chứng từ hướng dẫn.

Để hạch toán nguyên vật liệu nói riêng và hàng tồn kho nói chung, kế toán có thể áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên hoặc phương pháp kiểm kê định kỳ. Việc sử dụng phương pháp nào phụ thuộc vào đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp, vào yêu cầu của công tác quản lý và vào trình độ cán bộ kế

toán cũng như vào quy định của chế độ kế toán hiện hành.

**1.2.2.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.**

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi việc nhập, xuất và tồn kho vật liệu một cách thường xuyên trên sổ kế toán. Đây là phương pháp theo dõi và phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng giảm hàng tồn kho vật liệu một cách thường xuyên liên tục trên các tài khoản phản ánh loại hàng tồn kho. Vì thế giá trị hàng tồn kho trên sổ kế toán có thể xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào số liệu kiểm kê thực tế hàng tồn kho, so sánh đối chiếu với số liệu hàng tồn kho trên sổ kế toán. Về nguyên tắc, số tồn kho thực tế phải hoàn toàn phù hợp với số hàng tồn kho trên sổ kế toán. Nếu có chênh lệch phải tìm nguyên nhân và có biện pháp xử lý kịp thời.

*Ưu điểm:*

- + Xác định, đánh giá về số lượng và trị giá hàng tồn kho vào từng thời điểm xảy ra nghiệp vụ
- + Nắm bắt, quản lý hàng tồn kho thường xuyên, liên tục, góp phần điều chỉnh nhanh chóng kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của DN.
- + Giảm tình trạng sai sót trong việc ghi chép và quản lý (giữa thủ kho và kế toán).

*Nhược điểm:*

- + Tăng khối lượng ghi chép hằng ngày, gây áp lực cho người làm công tác kế toán. Tuy nhiên, nhược điểm này được khắc phục khi doanh nghiệp tin học hoá công tác kế toán.

**Tài khoản sử dụng**

\*TK 152 “Nguyên liệu, vật liệu”: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của các loại nguyên liệu, vật liệu trong kho của doanh nghiệp.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 152:

Bên Nợ:

+Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công, chế biến, nhận góp vốn hoặc từ các nguồn khác.

+ Trị giá nguyên liệu, vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê.

**Bên Có:**

+ Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất kho dùng vào sản xuất, kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công chế biến hoặc đưa đi góp vốn.

+ Trị giá nguyên liệu, vật liệu trả lại người bán hoặc được giảm giá người mua.

+ Chiết khấu thương mại nguyên liệu, vật liệu khi mua được hưởng.

+ Trị giá nguyên liệu, vật liệu hao hụt, mất mát phát hiện khi kiểm tra.

**Số dư bên Nợ:** Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ.

*\*TK 151 “Hàng mua đang đi đường”:* Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá của các loại hàng hóa, vật tư mua ngoài đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp còn đang trên đường vận chuyển, ở bên cảng, bên bãi hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng đang chờ kiểm nhận nhập kho.

**Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 151:**

**Bên Nợ:** Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường.

**Bên Có:** Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường đã nhập về kho hoặc đã chuyển giao thẳng cho khách hàng.

**Số dư bên Nợ:** Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường (chưa nhập về kho đơn vị)

Ngoài ra, trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản liên quan khác như TK 133, TK 331, TK 111, TK 112,...

### ***Phương pháp hạch toán.***

Theo phương pháp này, sự biến động của nguyên vật liệu được tổng hợp thông qua sơ đồ 1.4 như sau:

*Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên*

**1.2.2.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.**

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp không theo dõi một cách thường xuyên, liên tục về tình hình biến động của các loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm trên các tài khoản phản ánh từng loại hàng tồn kho mà chỉ phản ánh giá trị tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ của chúng trên cơ sở kiểm kê cuối kỳ, xác định lượng tồn kho thực tế. Từ đó, xác định lượng xuất dùng cho sản xuất kinh doanh và các mục đích khác trong kỳ theo công thức:

Trị giá hàng xuất kho trong kỳ = trị giá hàng tồn kho đầu kỳ + trị giá hàng nhập kho trong kỳ – trị giá hàng tồn kho cuối kỳ.

Ưu điểm:

+ Giảm khối lượng ghi chép cho người làm công tác kế toán.

Nhược điểm:

+ Công việc công tác kế toán dồn vào cuối kỳ.

+ Công việc kiểm tra không thường xuyên trong tình hình nhập, xuất kho là liên tục sẽ gây hạn chế chức năng kiểm tra của kế toán trong quản lý.

+ Khó phát hiện sai sót nếu khi kiểm kê hàng thực tế nhập kho không trùng với ghi sổ kế toán..

**Tài khoản sử dụng**

\*TK 611 “Mua hàng”: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa mua vào, nhập kho hoặc đưa vào sử dụng trong kỳ.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 611:

Bên Nợ:

+ Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho đầu kỳ (theo kết quả kiểm kê).

+ Giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, mua vào trong kỳ; hàng hóa đã bán bị trả lại,...

Bên Có:

+ Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho cuối kỳ (theo kết quả kiểm kê)



+ Giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ xuất sử dụng trong kỳ, hoặc giá gốc hàng hóa xuất bán (chưa được xác định là đã bán trong kỳ).

+ Giá gốc nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa mua vào trả lại cho người bán, hoặc được giảm giá.

TK 611 không có số dư cuối kỳ và có hai tài khoản cấp hai:

+ TK 6111 “Mua nguyên liệu, vật liệu”

+ TK 6112 “Mua hàng hóa”.

*\*TK 152 “Nguyên liệu, vật liệu”*: dùng để phản ánh thực tế nguyên, vật liệu tồn kho, chi tiết theo từng loại.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 152:

Bên Nợ: Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ.

Bên Có: Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho đầu kỳ.

Số dư bên Nợ: Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ.

Tài khoản 152 có thể mở chi tiết theo từng loại nguyên vật liệu tùy theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp. Chi tiết theo công dụng có thể chia thành 5 tài khoản cấp 2:

-TK 1521 - Nguyên vật liệu chính

-TK 1522 - Vật liệu phụ

-TK 1523 - Nhiên liệu

-TK 1524 - Phụ tùng thay thế

-TK 1528 - Vật liệu khác

*\*TK 151 “Hàng mua đang đi đường”*

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 151:

Bên Nợ: Kết chuyển trị giá thực tế của hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường cuối kỳ.

Bên Có: Kết chuyển giá trị thực tế của hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường đầu kỳ.

Số dư bên Nợ: Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường (chưa nhập về kho đơn vị). Ngoài ra, trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản liên quan khác như TK 133, TK 331, TK 111, TK 112,...

***Phương pháp hạch toán.***

Theo phương pháp này, sự biến động của nguyên vật liệu được tổng hợp

thông qua sơ đồ 1.5 như sau:

**Sơ đồ 1.5:** Sơ đồ hạch toán tổng hợp NVL theo phương pháp kê khai định kỳ

### **1.3. Tổ chức sổ sách kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo các hình thức kế toán.**

Theo quy định hiện hành, doanh nghiệp có thể sử dụng một trong năm hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung;
- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái;
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ;
- Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ;
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Hình thức kế toán áp dụng ở công ty TNHH Thương mại và Vận tải Tân Vũ là nhật ký chung.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

*Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung (Sơ đồ 1.6)*

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật

ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

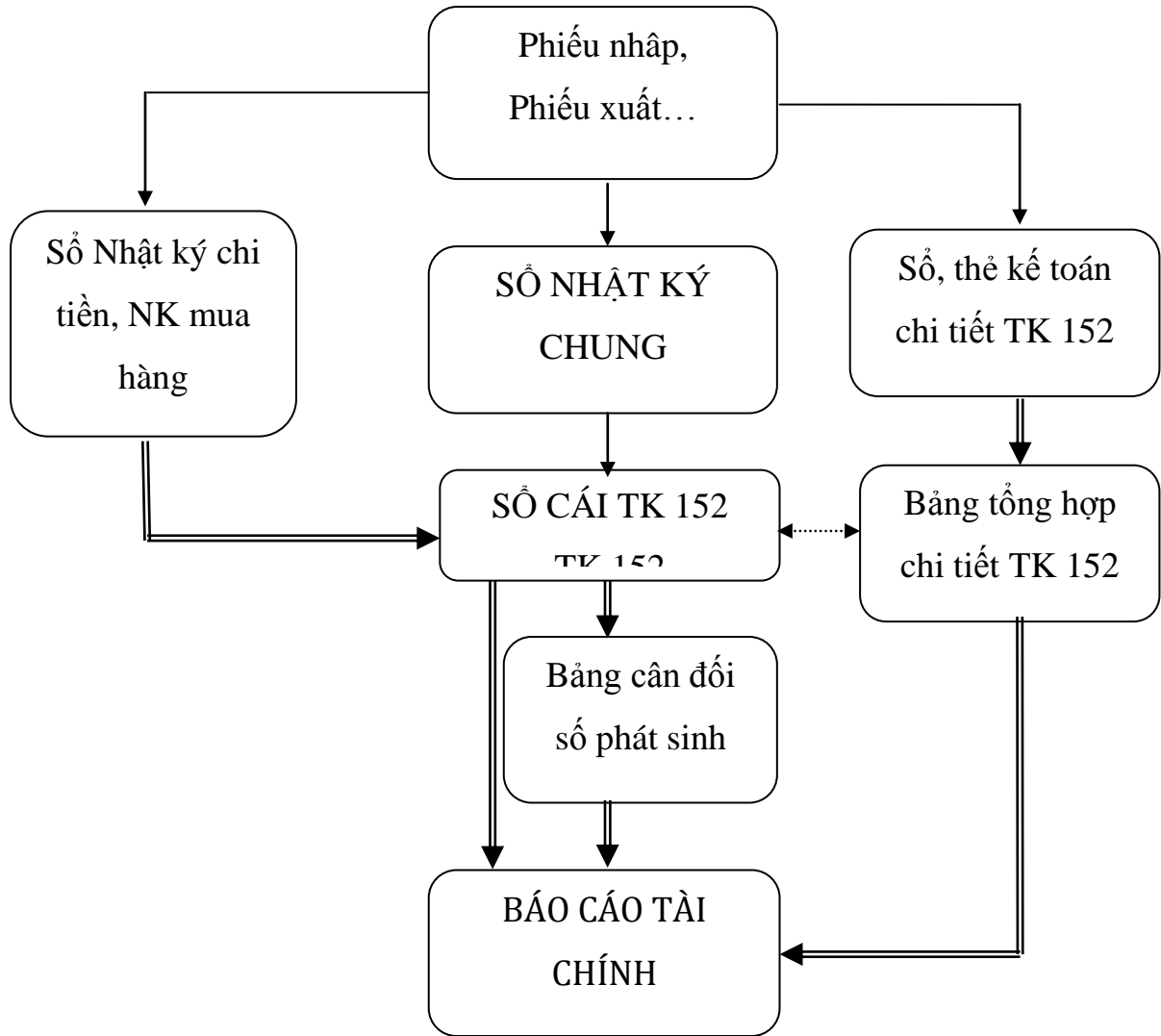
Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

Sơ đồ 1.6. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký Chung

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN  
THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ CHUNG  
ÁP DỤNG TRONG KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

## CHƯƠNG II

### THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI TÂN VŨ

#### 2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Thương mại và Vận tải Tân Vũ

##### 2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty

- Tên công ty : Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Tân Vũ
- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Tan Vũ Trading and Transport Limited company
- Tên giao dịch: Tân Vũ Transco
- Ngày thành lập: Ngày 18 tháng 07 năm 2006
- Giấy phép kinh doanh : số 0202003703 được cấp bởi sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng ngày 18 tháng 07 năm 2006.
- Vốn điều lệ: 3.500.000.000 đồng
- Người đại diện: Ông Vũ Mạnh Viễn/ Giám Đốc
- Địa chỉ trụ sở chính: Khu phố 3 – 2, thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.
- Điện thoại: (031)884219

Tân Vũ Transco là công ty có uy tín trong lĩnh vực vận tải thủy bộ, được nhiều doanh nghiệp tin cậy hợp tác.

Kể từ khi công ty đi vào hoạt động từ tháng 07 năm 2006 đến nay, Tân Vũ Transco đã cung cấp dịch vụ cho nhiều dự án. Trong đó phải kể đến dự án liên kết với công ty TNHH Dịch Vụ Thương mại Mạnh Nam trực vớt ba tàu là tàu Shinsung Accord (Hàn Quốc), trọng tải 17.500 tấn, vừa được TCty CNTT Bạch Đằng đóng mới và hạ thủy giữa tháng 6 vừa rồi; Vinashin Express 01, trọng tải 1.700 TEU (của Cty Vận tải Biển Đông); Vinashin Orient (của Cty Cổ phần CNTT Hải Dương) ra khỏi cầu Bính.

Bên cạnh những thành công đạt được, còn những khó khăn đó là Tân Vũ Transco là một công ty trẻ chưa có vị thế trên thị trường, Công tác quản lý sắp

xếp công việc của công ty còn nhiều khó khăn và cần nhiều thời gian, Công việc dịch vụ của công ty tương đối vất vả nhưng nhiều nhân viên chưa có đầy đủ thiết bị bảo hộ...

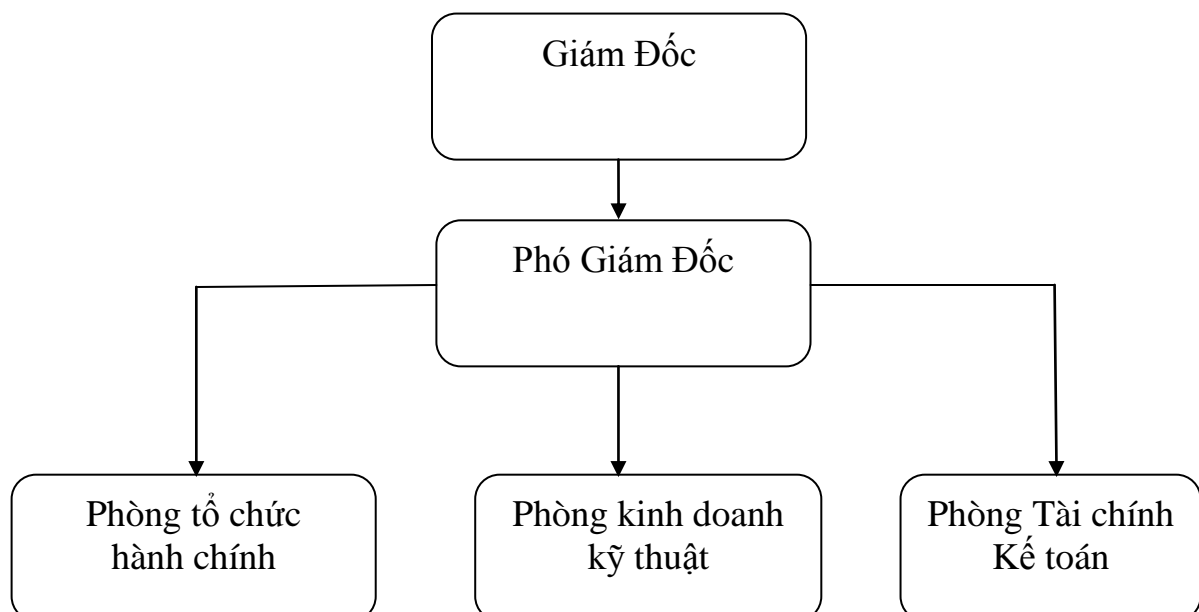
### 2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty TNHH Thương mại và Vận tải Tân Vũ.

- Lĩnh vực kinh doanh
  - +Vận tải và dịch vụ vận tải hàng hóa thủy, bộ
  - +Vật liệu xây dựng
- Dịch vụ
  - +Chuyên trục vớt tàu
  - +Cứu nạn, cứu hộ trên biển và nhiều vấn đề trên biển.

### 2.1.3. Đặc điểm bộ máy quản lý của công ty TNHH Thương Mại và Vận Tải Tân Vũ.

Để đảm bảo hoạt động có hiệu quả và quản lý tốt quá trình kinh doanh, bộ máy quản lý được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng, với cơ cấu này các phòng ban có chức năng và nhiệm vụ tham mưu cho Giám đốc, vừa phát huy được năng lực chuyên môn của các phòng ban chức năng vừa bảo đảm quyền chỉ huy, điều hành của giám đốc, phó giám đốc.

**Sơ đồ 2.1:** Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Thương mại và Vận tải Tân Vũ



***Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận:***

❖ ***Giám đốc :***

Điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và chịu mọi trách nhiệm với công ty.

❖ ***Phó giám đốc:***

- Là người giúp cho giám đốc trong việc chỉ đạo điều hành kinh doanh và mọi hoạt động khác của công ty.
- Khi giám đốc đi vắng có ủy quyền cho phó giám đốc chịu trách nhiệm trước toàn công ty.

❖ ***Phòng tổ chức hành chính:***

- Có nhiệm vụ xây dựng các định mức trả lương cho từng công nhân viên, và hệ số bậc lương đối với nhân viên quản lý công ty
- Xây dựng bảng chấm công và phương pháp trả lương, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ cho người lao động giữ vững an ninh trật tự, an toàn trong đơn vị.

❖ ***Phòng kinh doanh- kỹ thuật***

- Tham mưu cho Giám đốc xây dựng chiến lược kinh doanh, các chương trình phát triển dài hơn, trung hạn, ngắn hơn.
- Xây dựng và tổng hợp các kế hoạch hàng tháng, giúp các đơn vị cơ sở trong việc triển khai, quyết toán và phân tích các hoạt động kinh doanh .
- Đề xuất các giải pháp công nghệ tham gia sản xuất sản phẩm
- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ, nghiên cứu thiết kế sản phẩm.
- Tư vấn hướng dẫn thao tác vận hành máy móc, dây chuyền.

❖ ***Phòng kế toán- Tài chính:***

- Có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch tài chính, theo dõi toàn bộ thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- Tổ chức ghi chép những nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình hoạt động quản lý vốn và sử dụng vốn,
- Lập và gửi báo cáo tài chính cho các cơ quan chức năng, tổ chức bảo quản

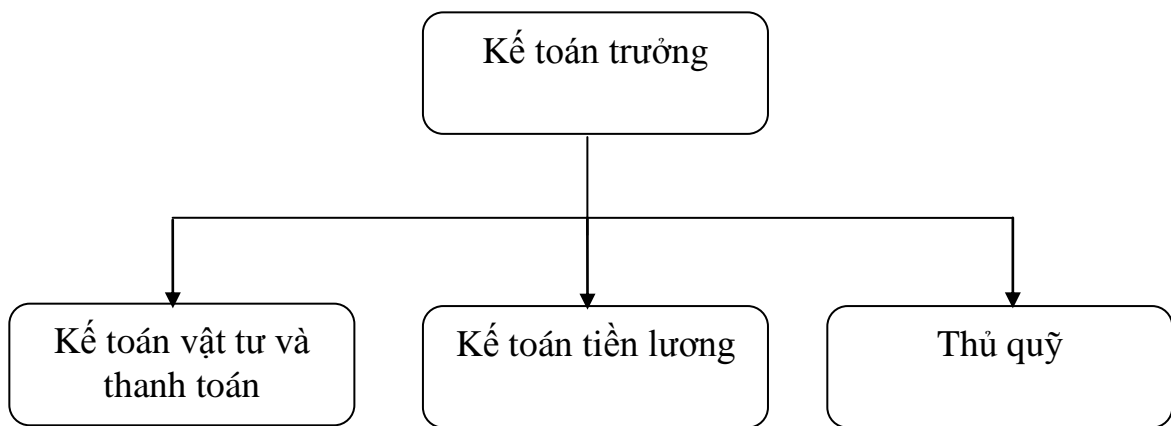


lưu trữ chứng từ.

#### 2.1.4. Đặc điểm bộ máy kế toán của công ty TNHH Thương Mại và Vận Tải Tân Vũ

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập chung . Phòng kế toán hạch toán mọi nghiệp vụ kế toán liên quan đến toàn công ty, thực hiện mọi công tác nhận và xử lý các chứng từ luân chuyển, ghi chép tổng hợp và lập báo cáo tài chính.

**Sơ đồ 2.2:** Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty TNHH Thương mại và vận tải Tân Vũ



#### **Trách nhiệm và quyền hạn các vị trí tại phòng Tài chính – Kế toán**

##### **❖ Kế toán trưởng**

- *Quyền hạn:* Có quyền độc lập về chuyên môn nghiệp vụ Kế toán, phân công và chỉ đạo tất cả các nhân viên về công việc kế toán thống kê. Có quyền ký duyệt các báo cáo tài chính, thống kê và các tài liệu báo cáo có liên quan.

- *Trách nhiệm :* Chịu trách nhiệm trước BGD về công tác tài chính kế toán. Tham mưu cho BGD xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn, ngắn hạn và chiến lược lâu dài và về công tác quản lý vốn và các chi phí kinh doanh.

##### **❖ Kế toán vật tư và thanh toán**

- *Quyền hạn:* Lập phiếu thu, chi cho những khoản tiền được duyệt. Chỉ giao tạm ứng mới cho CBCNV khi đã thanh toán hết số tạm ứng cũ.

- *Trách nhiệm:* Có nhiệm vụ thanh toán với khách hàng về công nợ, thanh toán các khoản tạm ứng, phải thu, phải trả và theo dõi việc thanh toán đối với Ngân sách Nhà nước.

Có nhiệm vụ theo dõi tình hình tăng giảm nguyên vật liệu, tình hình nhập, xuất, tồn kho về cả số lượng và giá cả.

❖ **Kế toán tiền lương**

- *Quyền hạn*: Lập bảng chấm công, bảng thanh toán lương. Trả lương cho CBCNV khi đã hoàn thành công việc.

- *Trách nhiệm*: Có nhiệm vụ theo dõi việc trả lương đối với cán bộ, thanh toán lương cho cán bộ công nhân viên.

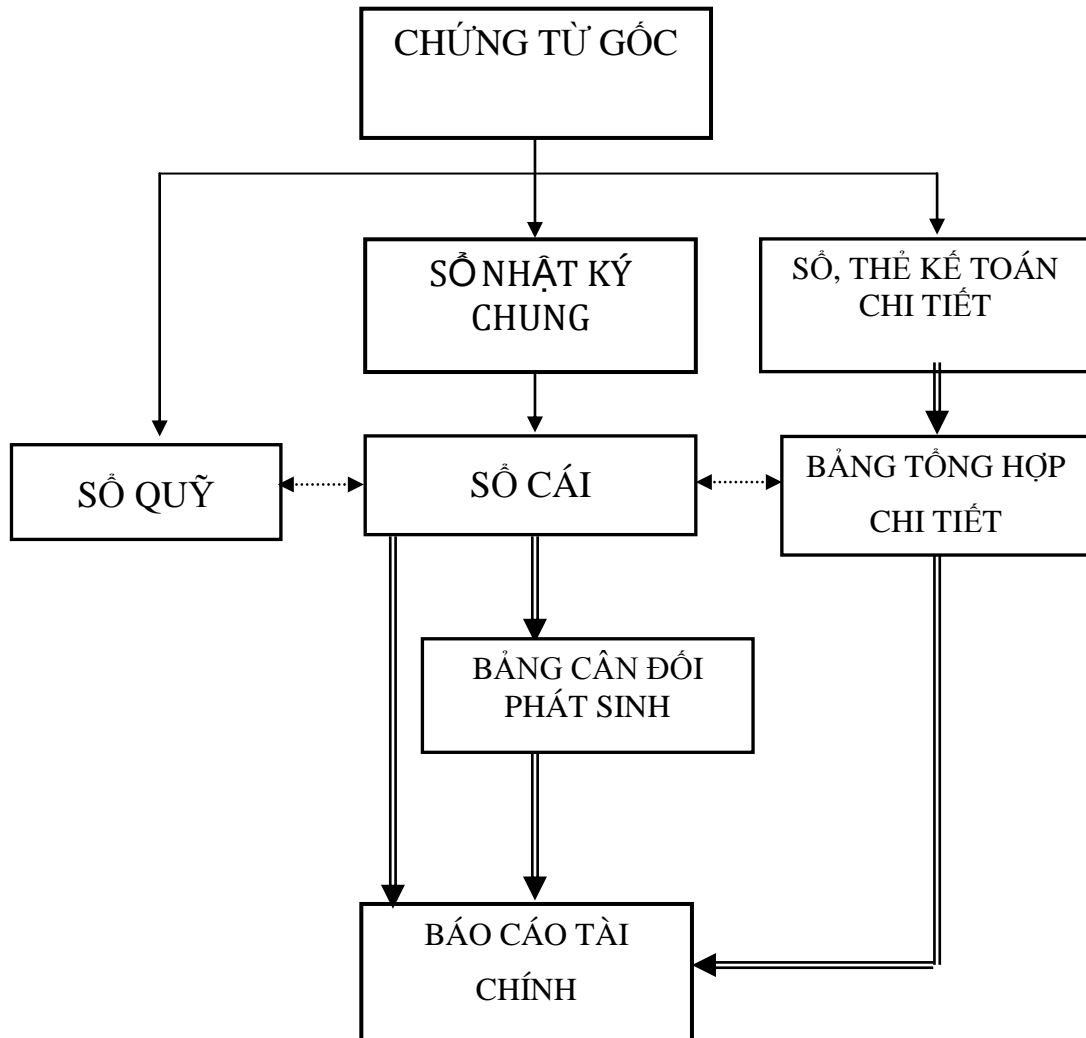
❖ **Thủ quỹ**

- *Quyền hạn*: là người quản lý số tiền mặt, rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ.

**2.1.5. Đặc điểm hình thức kế toán của công ty TNHH Thương Mại và Vận Tải Tân Vũ**

Căn cứ vào đặc điểm tổ chức kinh doanh cũng như trình độ và khả năng của đội ngũ kế toán, công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Đặc trưng cơ bản của hình thức nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà quan trọng nhất là sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ nhật ký chung để ghi sổ cái theo nghiệp vụ phát sinh.

**Sơ đồ 2.3:** Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung tại công ty TNHH thương mại và vận tải Tân Vũ



**Ghi chú:**

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ←-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên sổ cái, lập bản cân đối phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

## **2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Thương Mại và Vận Tải Tân Vũ.**

### **2.2.1. Một số đặc điểm cơ bản về nguyên vật liệu tại công ty TNHH Thương Mại và Vận Tải Tân Vũ.**

#### **2.2.1.1. Đặc điểm công tác quản lý**

Công ty TNHH Thương Mại và Vận Tải Tân Vũ năm 2011 chủ yếu cung cấp các dịch vụ như trục vớt tàu, cứu nạn, cứu hộ và nhiều vấn đề khác trên biển

Là công ty dịch vụ nên Tân Vũ Transco sử dụng tương đối nguyên vật liệu với số lượng lớn và thường xuyên. Chi phí nguyên vật liệu chiếm 60%-70% trong giá thành dịch vụ. Mặt khác, nguyên vật liệu của công ty được nhập kho hoàn toàn là do mua ngoài không có nguyên vật liệu tự chế hay liên doanh, vật liệu có tính chất dễ bị ảnh hưởng bởi thời tiết nếu không được bảo quản cẩn thận và dễ bị hao hụt trong quá trình vận chuyển. Chính vì vậy công tác quản lý và sử dụng có hiệu quả sẽ giúp giảm chi phí nguyên vật liệu trong giá thành dịch vụ.

Quản lý vật liệu là khâu quan trọng đầu tiên để đảm bảo cho quá trình sản xuất, việc quản lý nguyên vật liệu ở đây không chỉ về mặt số lượng mà phải quản lý cả về chất lượng nhằm đảm bảo cho nguyên vật liệu không bị biến chất, giảm giá trị sử dụng.

\* Khâu thu mua của công ty: công ty có bộ phận chuyên công tác thu mua, vận chuyển.

\* Khâu bảo quản dự trữ: hiện nay tình hình quản lý nguyên vật liệu tại công ty đã được chú trọng và quan tâm với cách tổ chức, sắp xếp khá hợp lý.

\* Khâu sử dụng: công ty căn cứ vào định mức nguyên vật liệu, và kế hoạch tiêu thụ để chủ động có kế hoạch mua vật tư nên lượng tồn kho ít, giảm chi phí lưu kho, vốn không ứ đọng, giá thành dịch vụ sẽ hạ bớt phần nào.

Công tác quản lý nguyên liệu, vật liệu được thực hiện ở phòng Kỹ thuật, thủ kho và phòng kế toán.

\* Phòng kỹ thuật sản xuất: có trách nhiệm quản lý, lập kế hoạch thu mua, nhập, xuất nguyên vật liệu trong tháng, tìm hiểu lựa chọn các nguồn cung cấp tốt nhất, có lợi nhất.

\* Thủ kho: là người có trách nhiệm nhập xuất nguyên vật liệu theo phiếu nhập, phiếu xuất, thực hiện đầy đủ thủ tục công ty quy định, tổ chức sắp xếp bảo quản nguyên vật liệu. Hàng ngày tiến hành ghi chép vào thẻ kho, cuối tháng đối chiếu số liệu với kế toán vật tư, đồng thời kết hợp với các cán bộ chuyên môn tiến hành kiểm kê vật liệu thừa thiếu trong tháng.

\* Kế toán vật tư: là người chuyên theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu, đồng thời hạch toán nguyên vật liệu, cuối kỳ đối chiếu số liệu với thủ kho.

### **2.2.1.2. Phân loại nguyên vật liệu**

Căn cứ vào vai trò, tác dụng của nguyên vật liệu đồng thời để thuận tiện cho công tác theo dõi, quản lý vật tư, Nguyên vật liệu tại công ty chủ yếu là nhiên liệu như nhớt, dầu dienzel. Là những loại vật liệu có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất, kinh doanh.

### **2.2.1.3. Tính giá nguyên vật liệu**

#### **\* Nguyên vật liệu nhập kho**

Nguồn nhập nguyên liệu của công ty nhập kho là hoàn toàn do mua ngoài, cán bộ phòng vật tư mua về và nhập kho. Công ty tổ chức kê khai thuế VAT theo phương pháp khấu trừ thuế nên giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế nguyên} \\ \text{vật liệu nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua ghi trên} \\ \text{HĐGTGT} \\ \text{( chưa bao gồm VAT)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thu mua thực} \\ \text{tế phát sinh} \end{array}$$

#### **Ví dụ 1:**

Theo HĐGTGT 083398, Tân Vũ Transco nhập kho dầu Dienzenl của công ty DNTN xăng dầu Trường Thành, số lượng 770 lít, đơn giá 18.090đ/lít thuế suất thuế giá trị gia tăng 10%, hình thức thanh toán bằng tiền mặt. Phí dầu Dienzenl hạch toán vào giá thực tế nhập kho của lượng dầu trên.

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế} \\ \text{nhập kho nhớt} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua ghi trên hóa đơn} \\ [( 770 \text{ lít} * 18.090\text{đ}) \\ 14.314.300 \text{ đồng} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Phí dầu nhớt} \\ (500\text{đ}*770 \text{ lít) } \end{array}$$

**\* Nguyên vật liệu xuất kho**

Công ty Tân Vũ Transco lựa chọn phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ để tính giá nguyên vật liệu xuất kho. Theo phương pháp này, căn cứ vào giá trị thực tế vật liệu tồn đầu kỳ và nhập kho trong kỳ, kế toán xác định đơn giá bình quân của một đơn vị vật liệu. Căn cứ vào lượng vật liệu xuất trong kỳ và đơn giá bình quân để xác định giá trị thực tế của vật liệu xuất trong kỳ.

Công thức tính giá xuất kho nguyên vật liệu theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế} \\ \text{xuất kho} \end{array} = \text{Số lượng} * \begin{array}{l} \text{Giá đơn vị bình} \\ \text{quân cả kỳ dự trữ} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Giá đơn vị} \\ \text{bình quân cả} \\ \text{kỳ dự trữ} \end{array} = \frac{\text{Trị giá thực tế tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá vốn thực tế nhập trong}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

**Ví dụ 2:** Tháng 12/2011, tình hình dầu diezenl như sau:

I. Tồn đầu kỳ: 0

II. Trong tháng phát sinh những nghiệp vụ sau:

1. Ngày 20/12, nhập 770 lít dầu diezenl, đơn giá chưa thuế :

18.000đ/lít, phí xăng dầu: 385.000đ

2. Ngày 24/12, nhập 980 lít dầu diezenl, đơn giá chưa thuế:

18.090,909đ/lít, phí xăng dầu: 490.000đ

3. Ngày 31/12, nhập 970 lít dầu diezenl, đơn giá chưa thuế:

18.090,909đ/lít, phí xăng dầu: 486.000đ

4. Ngày 31/12, xuất kho 1.587,633 lít vật liệu vào chi phí

Ta có đơn giá bình quân xuất dầu diezenl là:

$$= \frac{0 + 18.219.091 + 14.314.300 + 18.033.182}{0 + 770 + 980 + 970} = 18.629,08\text{đ/kg}$$

Trị giá dầu diezenl xuất kho tháng 12:

Ngày 31/12:  $18.629,08 \text{ đ/kg} * 1.587,63 \text{ lít} = 29.576.148 \text{ đ}$

#### **2.2.1.4. Thủ tục nhập - xuất nguyên vật liệu**

##### **\* Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu**

Toàn bộ quy trình nhập kho nguyên vật liệu tại công ty được bắt đầu từ việc lựa chọn nhà cung ứng, kí kết hợp đồng mua bán, vận chuyển hàng, giao hàng và nhập kho, luân chuyển chứng từ, ghi sổ kế toán. Các chứng từ như hợp đồng mua bán, hoá đơn GTGT, phiếu nhập kho... được luân chuyển và xử lý một cách khoa học.

Tại công ty, nguyên vật liệu nhập kho là hoàn toàn do mua ngoài. Căn cứ vào các đơn kinh tế, tình hình sản xuất kinh doanh, bộ phận vật tư có nhiệm vụ tính toán nguyên vật liệu đầu vào cần thiết, quy cách chủng loại,... để trình giám đốc. Căn cứ vào kế hoạch đó, giám đốc xem xét, chỉ đạo phòng kinh doanh có nhiệm vụ tìm nhà cung ứng thích hợp thông qua việc kí kết hợp đồng mua bán hoặc mua trực tiếp tại doanh nghiệp.

Trong quá trình mua nguyên vật liệu, chứng từ quan trọng là hoá đơn GTGT. Hoá đơn GTGT cùng với hợp đồng sẽ được gửi lên phòng kế toán. Khi nhận được các chứng từ này, kế toán kiểm tra đối chiếu giữa chúng, sau đó dùng làm căn cứ để ghi vào phiếu nhập kho, sổ nhật ký chung...

Khi nguyên vật liệu về tới công ty, phòng vật tư sẽ kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ và đối chiếu với hợp đồng đã ký với các nhà cung cấp, sau đó tiến hành các thủ tục nhập kho. Thủ kho có trách nhiệm kiểm tra trực tiếp số lượng, chất lượng của các lô hàng khi tổ chức vận chuyển, bốc xếp vật liệu vào kho. Trong trường hợp nếu phát hiện vật tư kém phẩm chất, không đủ số lượng thì phải báo ngay với phòng vật tư tiến hành kiểm tra lại lô hàng để có biện pháp xử lý kịp thời. Sau đó, sẽ được ghi vào phiếu yêu cầu nhập vật tư (Biểu số 02), Phòng kinh doanh tiến hành lập phiếu nhập kho (Biểu số 03) giao cho thủ kho. Sau khi nhập kho, thủ kho cùng với người giao hàng ký vào phiếu nhập kho. Phiếu nhập kho gồm 2 liên:

Liên 1: Thủ kho gửi lại cho phòng kinh doanh (nơi lập phiếu).

Liên 2: Thủ kho dùng để ghi số thực nhập vào thẻ kho sau đó sẽ giao lại

cho phòng kế toán.

Phiếu nhập kho sau khi được đưa về phòng kế toán, kế toán kiểm tra lại và căn cứ vào hoá đơn GTGT, các chứng từ liên quan khác để hoàn chỉnh nốt chỉ tiêu “Đơn giá” và “Thành tiền” trên phiếu nhập kho. Căn cứ vào phiếu nhập kho, hoá đơn GTGT ...kế toán ghi sổ nhật ký chung.

Mặt khác, phiếu nhập kho sau khi hoàn chỉnh được dùng làm căn cứ để ghi sổ chi tiết nguyên vật liệu (Biểu số 14).

**\* Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu**

Khi công ty ký một hợp theo một dự án hoặc đơn hàng, căn cứ vào bản hạn mức vật tư cho 1 đơn vị sản phẩm (do phòng kỹ thuật xác định). Kho vật tư căn cứ vào đó làm thủ tục xuất kho nguyên vật liệu. Số lượng vật tư xuất dùng trong tháng sử dụng không hết nhập lại kho để sử dụng cho tháng sau. Sau đó phiếu xuất kho được chuyển xuống phòng kế toán.

Từ các phiếu xuất kho, thủ kho vào thẻ kho để theo dõi mặt số lượng của nguyên vật liệu xuất kho. Mỗi thẻ kho được mở cho từng loại nguyên vật liệu.

Kế toán kiểm tra tính hợp pháp hợp lệ của phiếu xuất kho (phải có đủ chữ ký của người có liên quan), sau đó tính giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho để điền vào phiếu.

Phiếu xuất kho được lập thành 2 liên:

Liên 1: Thủ kho giữ (liên gốc), làm căn cứ ghi vào sổ theo dõi dưới kho.

Liên 2: Được gửi cho kế toán làm căn cứ ghi vào sổ.

**2.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại Tân Vũ Transco.**

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là việc phản ánh một cách tổng quát tình hình nhập, xuất nguyên vật liệu thông qua các tài khoản kế toán. Để phục vụ cho công tác hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu, công ty TNHH Thương Mại và Vận Tải Tân Vũ sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên. Theo phương pháp này, tình hình biến động nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu tại công ty được ghi chép, phản ánh một cách thường xuyên liên tục. Vì vậy, giá trị nguyên vật liệu của công ty trên sổ kế toán có thể được xác định ở bất cứ thời điểm nào trong kỳ hạch toán.



**2.2.2.1. Chứng từ sử dụng:**

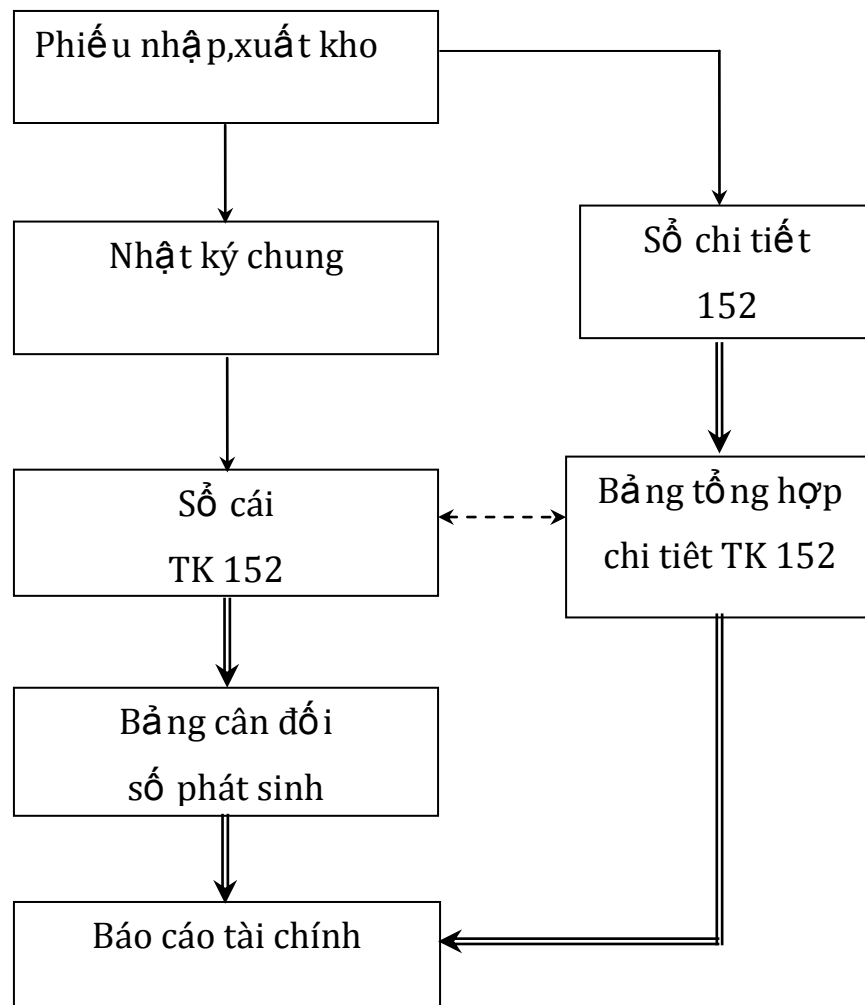
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho

**2.2.2.2. Tài khoản sử dụng:**

- TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu
- TK liên quan: TK111, TK112, TK331, TK 133, TK154

**2.2.2.3. Quy trình hạch toán**

**Sơ đồ 2.4:** Quy trình hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo hình thức nhật ký chung tại công ty TNHH Thương mại và vận tải Tân Vũ



Ghi chú:

Ghi hàng tháng : →

Ghi cuối tháng , quý:             $\Longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu    :             $\longleftrightarrow$

Hàng ngày tập hợp các phiếu thu, phiếu chi, hóa đơn mua hàng, bán hàng, để ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung , sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 152 đồng thời phải ghi các nghiệp vụ phát sinh vào sổ chi tiết liên quan cùng việc ghi sổ Nhật ký chung.

Cuối kỳ cộng số liệu trên sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh, sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu trên sổ cái , bảng tổng hợp chi tiết dùng để lập báo cáo tài chính.

**Ví dụ 3:**

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 083398 ( Biểu số 01) , phòng vật tư lập phiếu yêu cầu nhập vật tư ( Biểu số 02) , sau khi kiểm nghiệm xong, thủ kho làm thủ tục nhập kho, Khi nhận được các chứng từ này kế toán vật tư kiểm tra, đối chiếu dùng làm căn cứ để ghi vào phiếu nhập kho 01 ( Biểu số 03)

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

<b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b> Liên 2: Giao người mua		Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: <b>02AB/11P</b> Số: 083398																																																			
Ngày 20 tháng 12 năm 2011																																																					
Đơn vị bán hàng	: DNTN XĂNG DẦU TRƯỜNG THÀNH																																																				
Mã số thuế	: 0200450260																																																				
Địa chỉ	: 21/33 đường Ngô Quyền- Hải Phòng																																																				
Điện thoại	:	Số tài khoản:																																																			
Họ tên người mua	: Vũ Mạnh Viễn																																																				
Tên đơn vị	: Công ty TNHH TM và vận tải Tân Vũ																																																				
Mã số thuế	: 0200818265																																																				
Địa chỉ	: Khu phố 3-2, thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo-HP																																																				
Hình thức thanh toán	: TM	Số tài khoản:.....																																																			
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th align="center">Số TT</th> <th align="center">Tên hàng hoá, dịch vụ</th> <th align="center">Đơn vị tính</th> <th align="center">Số lượng</th> <th align="center">Đơn giá</th> <th align="center">Thành tiền</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td align="center">1</td> <td>Dầu Diensel</td> <td align="center">lít</td> <td align="center">770</td> <td align="right">18.090</td> <td align="right">13.929.300</td> </tr> <tr> <td align="center">2</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td align="center">3</td> <td>Phí xăng dầu</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td align="right">385.000</td> </tr> <tr> <td align="center">4</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td align="right" colspan="5">Cộng tiền hàng:</td> <td align="right">13.929.300</td> </tr> <tr> <td colspan="2">Thuế suất GTGT: 10%</td> <td colspan="3">Tiền thuế GTGT:</td> <td align="right">1.392.930</td> </tr> <tr> <td align="right" colspan="5">Tổng cộng tiền thanh toán</td> <td align="right">15.707.230</td> </tr> </tbody> </table>						Số TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	1	Dầu Diensel	lít	770	18.090	13.929.300	2						3	Phí xăng dầu				385.000	4						Cộng tiền hàng:					13.929.300	Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			1.392.930	Tổng cộng tiền thanh toán					15.707.230
Số TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền																																																
1	Dầu Diensel	lít	770	18.090	13.929.300																																																
2																																																					
3	Phí xăng dầu				385.000																																																
4																																																					
Cộng tiền hàng:					13.929.300																																																
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			1.392.930																																																
Tổng cộng tiền thanh toán					15.707.230																																																
Số tiền viết bằng chữ: Mười năm triệu bảy trăm linh bảy ngàn hai trăm ba mươi đồng.																																																					
<b>Người mua hàng</b>		<b>Người bán hàng</b>		<b>Thủ trưởng đơn vị</b>																																																	

**Công ty TNHH TM và dịch vụ Tân Vũ**

*Khu phố 3-2, thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng*

**PHIẾU YÊU CẦU NHẬP VẬT TƯ**

Tên chủ hàng: Công ty TNHH Trang Thu

Theo hợp đồng số:

Ngày 02 tháng 12 năm 2011

STT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Kết quả kiểm tra
	Dầu diizenl	lít	770	Đ

Ghi chú: Kết quả kiểm tra nếu đạt thì ghi chữ "Đ", không đạt thì ghi chữ "K"

Kết luận : Đạt

**P.Kinh Doanh**

(ký, họ tên)

**NV.Kiểm tra**

(ký, họ tên)

**Thủ kho**

(ký, họ tên)

***Biểu số 02: Phiếu yêu cầu nhập vật tư***

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## *Biểu số 3: Phiếu nhập kho số 01*

Công ty TNHH TM và dịch vụ Tân Vũ  
Bộ phận: Vật tư

**Mẫu số 01 - VT**  
(Ban hành theo QĐ số  
48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ  
trưởng BTC)

### **PHIẾU NHẬP KHO**

Ngày 20 tháng 12 năm 2011

Số: 02

Nợ: 152

Có: 1111

Họ và tên người giao: Bùi Văn

Long

Theo hóa đơn số 083398 ngày 20 tháng 12 năm  
2011

của .....

Nhập kho: Công ty DNTN xăng dầu Trường Thành địa điểm: 21/33 Đ, NQ-HP

S T T	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Dầu dienzel		lít	PC 02	770	18.090	13.929.300
2							
Cộng:							13.929.300

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Mười ba triệu chín trăm hai chín ngàn ba trăm  
đồng.

Số chứng từ gốc kèm theo:  
HĐGTGT 083398

Ngày 20 tháng 12 năm 2011

**Người mua hàng**  
(Ký, họ tên)

**Người bán hàng**  
(Ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, họ tên)

**Ví dụ 4:**

Căn cứ vào Lệnh xuất kho vật tư số 01/12 và phiếu xin nghị lĩnh vật tư đi kèm( Biểu số 04), Kế toán tiến hành định khoản và lập phiếu xuất kho số 01( Biểu số 05).

**Công ty TNHH TM và dịch vụ Tân Vũ**

*Khu phố 3-2 , thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng*

**PHIẾU XIN LĨNH VẬT TƯ**

Tên tôi là: Hoàng Quang Hậu

Thuộc bộ phận: Kinh doanh

Lý do: Xuất nguyên vật liệu vào chi phí

Đề nghị cấp một số vật tư như sau:

STT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	
			Đề nghị	Thực hiện
1	Dầu dienzenl	lít	1.578,63	

**Thủ trưởng đơn vị**  
(ký, họ tên)

**Phụ trách bộ phận**  
(ký, họ tên)

**Người yêu cầu**  
(ký, họ tên)

***Biểu số 04: Phiếu xin lĩnh vật tư***

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## *Biểu số 05: Phiếu xuất kho số 01*

Công ty TNHH TM và dịch vụ Tân Vũ  
Bộ phận: Vật tư

**Mẫu số 01 - VT**  
(Ban hành theo QĐ số  
48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ  
trưởng BTC)

### **PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 01

Nợ: 621

Có: 152

Họ và tên người nhận: Hoàng Quang Hậu

Theo ..... ngày ..... tháng ..... năm 2011

của .....

Xuất tại kho công ty địa điểm: Khu phố 3-2, TT Vĩnh Bảo, h. Vĩnh Bảo- HP

S T T	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Dầu Dienzenl		lít	PN 01	1.578,63	18.629	29.576.148
Cộng:							29.576.148

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai chín triệu năm trăm bảy sáu ngàn một trăm bốn tám đồng.

Số chứng từ gốc kèm theo:

1 Phiếu xin lĩnh vật tư

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người nhận**

(Ký, họ tên)

**Thủ kho**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**Công ty TNHH TM và vận tải Tân Vũ**  
**Tháng 12 năm 2011**

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

PC 01	02/12/2011	Ttoán mua nhót	152	1111	15.191.393
PC 01	02/12/2011	VAT được khấu trừ	1331	1111	1.508.687
		.....			
PT 01	10/12/2011	Thu tiền cho thuê tàu khảo sát tại Quảng Ninh - Cty CP KS & XD CT Hải cảng	1111	511	18.000.000
PT 01	10/12/2011	Thuế GTGT phải nộp	1111	3331	1.800.000
PT 02	11/12/2011	Thu tiền cho thuê tàu khảo sát tại Quảng Ninh - Cty CP KS & XD CT Hải cảng	1111	511	16.500.000
		.....			
<b>PC 08</b>	<b>20/12/2011</b>	<b>Ttoán mua dầu điêzenl</b>	<b>152</b>	<b>1111</b>	<b>14.314.300</b>
<b>PC 08</b>	<b>20/12/2011</b>	<b>VAT được khấu trừ</b>	<b>1331</b>	<b>1111</b>	<b>1.392.930</b>
<b>PC 09</b>	<b>24/12/2011</b>	<b>Ttoán mua dầu điêzenl</b>	<b>152</b>	<b>1121</b>	<b>18.219.091</b>
<b>PC 09</b>	<b>24/12/2011</b>	<b>VAT được khấu trừ</b>	<b>1331</b>	<b>1121</b>	<b>1.772.909</b>
		.....			
PC 12	29/12/2011	Ttoán mua xăng A92	6428	1111	7.600.000
PC 12	29/12/2011	VAT được khấu trừ	1331	1111	720.000
<b>PC 13</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>Ttoán mua dầu điêzenl</b>	<b>152</b>	<b>1111</b>	<b>18.033.182</b>
<b>PC 13</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>VAT được khấu trừ</b>	<b>1331</b>	<b>1111</b>	<b>1.754.818</b>
PC 14	31/12/2011	Ttoán lương CNV tháng 12/2011	3341	1111	35.000.000
NH	08/12/2011	Chuyển tiền trả cho Cty Quảng cáo	331	1121	3.000.000
		.....			
PHT	31/12/2011	K/C thuế GTGT được Khấu trừ tháng 12/2011	3331	1331	7.174.549
PHT	31/12/2011	Trích KH CB TSCĐ tháng 12/2011	154	214	28.229.000
PHT	31/12/2011	Trích lương CBCNV tháng 12/2011			
		- Cphí Lương NVQL	6421	3341	15.000.000
		- C phí Lương CN trực tiếp	622	3341	20.000.000
<b>PHT</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>Xuất kho VL vào CP</b>	<b>621</b>	<b>152</b>	<b>29.576.148</b>
PHT	31/12/2011	PBổ CP TT NH	154	142	3.590.000
PHT	31/12/2011	HT giảm CP SX do năm 2009 trích trước	335	154	24.000.000
<b>K/C1</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>K/C CP NVL vào Z</b>	<b>154</b>	<b>621</b>	<b>29.576.148</b>
K/C2	31/12/2011	K/C Cp NC TT vào Z	154	622	20.000.000
K/C3	31/12/2011	K/C Doanh thu bán hàng	511	911	121.500.000
K/C4	31/12/2011	K/C DT HĐ TC	515	911	10.440
K/C5	31/12/2011	K/C CPSX DD sang tiêu thụ	632	154	57.395.148
K/C6	31/12/2011	K/C giá vốn hàng bán	911	632	57.395.148
K/C7	31/12/2011	K/C CP QL DN			
		- CP NVQL	911	6421	15.000.000
		- CP bằng tiền khác	911	6428	8.346.783
KC-8	31/12/2011	K/C lãi lỗ	911	4212	40.768.509



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 7: Sổ cái tài khoản 152

Công ty TNHH TM và dịch vụ Tân Vũ

Khu phố 3-2, thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng

### SỔ CÁI

Tháng 12/2011

Số hiệu tài khoản 152- Nguyên liệu vật liệu

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b><u>SDDK</u></b>		<b>0</b>	
			<b>Số phát sinh trong tháng</b>			
2/12/2011	PN 01	2/12/2011	T toán mua nhớt	1111	15.191.393	
20/12/2011	PN 02	20/12/2011	T toán mua dầu dienzenl	1111	14.314.300	
24/12/2011	PN 03	24/12/2011	T toán mua dầu dienzenl	1121	18.219.091	
31/12/2011	PN 04	31/12/2011	T toán mua dầu dienzenl	1111	18.033.182	
31/12/2011	PX 01	31/12/2011	Xuất kho VL vào CP	621		29.576.148
			<b>Cộng SPS</b>		<b>65.757.966</b>	<b>29.576.148</b>
			<b><u>SDCK</u></b>		<b>36.181.818</b>	

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### Biểu số 8: Sổ cái tài khoản 621

**Công ty TNHH TM và dịch vụ Tân Vũ**

*Khu phố 3-2, thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng*

### SỔ CÁI

Tháng 12/2011

Số hiệu tài khoản 621- Chi phí nguyên liệu trực tiếp

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>SDDK</b>		<b>0</b>	
			<b>Số phát sinh trong tháng</b>			
31/12/2011	PX 01	31/12/2011	Xuất kho vật liệu vào chi phí	152	29.576.148	
31/12/2012	KC 1	31/12/2011	K/C CP NVL vào Z	154		29.576.148
			<b>Cộng SPS</b>		<b>29.576.148</b>	<b>29.576.148</b>
			<b>SDCK</b>		<b>0</b>	

### **Ví dụ 5:**

Ngày 24/12/2011 thanh toán mua 980 lít dầu dienzenl của công ty Cổ phần xăng dầu Bạch Đằng theo HĐGTGT số 0001817. Tổng cộng tiền thanh toán là 19.992.000đ. Trong đó đơn giá chưa có thuế VAT 10% là 18.090,909đ/lít, Phí xăng dầu 500đ/lít; công ty đã trả bằng tiền gửi ngân hàng.

Khi nhận được hoá đơn GTGT số 0001817 (Biểu số 9):

- Kế toán nguyên vật liệu căn cứ vào hoá đơn GTGT, phiếu nhập kho, để ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu.

- Kế toán thanh toán căn cứ vào hoá đơn GTGT, uỷ nhiệm chi, lệnh chi (Biểu số 10) của ngân hàng để định khoản.

- Định kì, Kế toán tổng hợp căn cứ vào hoá đơn GTGT, phiếu nhập kho, uỷ nhiệm chi của ngân hàng để ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 6), từ nhật ký chung vào sổ Cái TK 152 (Biểu số 7).

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**Biểu số 9: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001817**

<b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>	Mẫu số: 01GTKT3/001				
Liên 2: Giao người mua	Ký hiệu: AA/11P				
	Số: 0001817				
<i>Ngày 24 tháng 12 năm 2011</i>					
Đơn vị bán hàng	: CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU BẠCH ĐẰNG				
Mã số thuế	: 0200607994				
Địa chỉ	:Số 109 Nguyễn Bình Khiêm, Q .Ngô Quyền - HP				
Điện thoại	: 0313.852 499                      Số tài khoản:.....				
Họ tên người mua	: Vũ Mạnh Viễn				
Tên đơn vị	: Công ty TNHH TM và vận tải Tân Vũ				
Mã số thuế	: 0200818265				
Địa chỉ	: Khu phố 3-2,thị trấn Vĩnh Bảo,huyện Vĩnh Bảo-HP				
Hình thức thanh toán	: TM                      Số tài khoản:.....				
Số TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Dầu Dienzenl	lít	980	18.090,909	17.729.091
2					
3	Phí xăng dầu				490.000
4					
<b>Cộng tiền hàng:</b>					17.729.091
Thuế suất GTGT: 10%				<b>Tiền thuế GTGT:</b>	1.772.909
<b>Tổng cộng tiền thanh toán</b>					<b>19.992.000</b>
<b>Người mua hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)	<b>Người bán hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)	<b>Thủ trưởng đơn vị</b> (Ký tên, đóng dấu)			

**NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG HẢI PHÒNG**

Liên 1/ copy 1  
Số / No : 08R18

**LỆNH CHI**

PAYMENT ORDER

Ngày /Date: 24/12/2011

**Đơn vị trả tiền /Payer:** Công ty Vật Tư Nông nghiệp I- HP

**Tk nợ / Debit AC :** 102010000207186

**Ngân hàng / With bank :** Công thương Hải Phòng .

**Số tiền bằng chữ :** Mười chín triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng.

**Tên đơn vị trả / Payee :** Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Tân Vũ

**Tk có / order /AC :** 10921288062011

**Tại ngân hàng /With bank :** Công thương Hải Phòng

**Nội dung :** Trả tiền mua hàng.

Số tiền bằng số

19.992.000

Ngày hạch toán / Date counting date: 24/12/2011

**Đơn vị trả tiền / Payer**

**Giao dịch viên**

**Kiểm soát viên**

**Kế toán**

**Chủ tài khoản**

**Teller**

**Supervisor**

**Accountant**

**A/C holder**

(Mẫu số 07/NHCT 10)

**Biểu số 10:** *Lệnh chi của ngân hàng*

Khi phát sinh nghiệp vụ mua nguyên vật liệu thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt, thủ quỹ thực hiện các nghiệp vụ chi tiền mặt mua nguyên vật liệu, ghi sổ quỹ hàng ngày, lập báo cáo quỹ cho phòng kế toán kèm theo tất cả các chứng từ chi làm cơ sở ghi sổ kế toán.

**Ví dụ 6:**

Ngày 31/12/2011, công ty mua 970 lít dầu Dienzenl của công ty Cổ phần xăng dầu Bạch Đằng, thanh toán ngay bằng tiền mặt. Căn cứ vào HĐGTGT số 0001893 có:

Cộng tiền hàng: 17.548.182đ

Thuế GTGT( Thuế suất 10%): 1.754.818đ

Tổng cộng tiền thanh toán: 19.778.000đ ( đã bao gồm phí xăng dầu là 500đ/lít)

Khi nhận được hoá đơn GTGT số 0001893 (Biểu số 11):

- Kế toán nguyên vật liệu căn cứ vào hoá đơn GTGT, phiếu nhập kho, để ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu.
- Kế toán thanh toán căn cứ vào hoá đơn GTGT để lập phiếu chi (Biểu số 12) .
- Kế toán tổng hợp căn cứ vào hoá đơn GTGT , phiếu nhập kho, phiếu chi mở sổ nhật ký chung (Biểu số 6).

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**Biểu số 11: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001893**

<b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>	Mẫu số: 01GTKT3/001				
Liên 2: Giao người mua	Ký hiệu: AA/11P				
	Số: 083398				
<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>					
Đơn vị bán hàng	: CÔNG TY CỔ PHẦN XÃNG DẦU BẠCH ĐẰNG				
Mã số thuế	: 0200607994				
Địa chỉ	: số 109 Nguyễn Bình Khiêm, P.Lạch Tray, Q Ngõ Quyền, Hp				
Điện thoại	: 0313.852.449                      Số tài khoản:.....				
Họ tên người mua	: Vũ Mạnh Viễn				
Tên đơn vị	: Công ty TNHH TM và vận tải Tân Vũ				
Mã số thuế	: 0200818265				
Địa chỉ	: Khu phố 3-2, thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo-HP				
Hình thức thanh toán	: TM                      Số tài khoản:.....				
<b>Số TT</b>	<b>Tên hàng hoá, dịch vụ</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Đơn giá</b>	<b>Thành tiền</b>
1	Dầu Dienzenl	lít	970	18.090.909	17.548.192
2					
3	Phí xăng dầu				485.000
4					
Cộng tiền hàng:					17.548.182
Thuế suất GTGT: 10%    Tiền thuế GTGT:					1.754.818
Tổng cộng tiền thanh toán					19.788.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Mười chín triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn đồng.</i>					
<b>Người mua hàng</b> <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<b>Người bán hàng</b> <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>	

**Biểu số 12: Phiếu chi tiền mặt**

Công ty TNHH  
TM và VT Tân Vũ  
Khu phố 3/2, TT  
Vĩnh Bảo, VB-HP

**PHIẾU CHI**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Quyển số:..... Máu số02- TT  
Số:03 QĐ số: 48/2006 QĐ-BTC  
Ngày 14 tháng 9 năm 2006  
Số: 152 Của bộ trưởng bộ tài chính  
Số: 1331  
Số 1111

Họ và tên người nhận tiền: Vũ Mạnh Viễn

Địa chỉ: Giám đốc

Lý do chi: Thanh toán mua dầu Dienzenl/

Số tiền: 19.788.000 đ ( viết bằng chữ) : Mười chín triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn đồng

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười chín triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn đồng

<b>Giám đốc</b> (Ký, ghi rõ họ tên)	<b>Kế toán trưởng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)	<b>Người lập phiếu</b> (Ký, ghi rõ họ tên)	<b>Thủ quỹ</b> (Ký, ghi rõ họ tên)	<b>Người nhận tiền</b> (Ký, ghi rõ họ tên)
--	--	---	---------------------------------------	---

### **2.2.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty TNHH Thương mại và vận tải Tân Vũ.**

Kế toán chi tiết nguyên vật liệu là công việc kết hợp chặt chẽ giữa việc hạch toán nghiệp vụ của thủ kho và việc ghi chép kế toán tại phòng kế toán công ty trong việc quản lý vật tư. Mà ở đó, thủ kho có trách nhiệm quản lý về mặt số lượng, còn kế toán kiểm soát cả về mặt số lượng và giá trị. Công việc hạch toán chi tiết là công việc khá phức tạp, đòi hỏi phải phản ánh kịp thời, đầy đủ cả về mặt hiện vật và giá trị trong quá trình kiểm soát các loại nguyên vật liệu. Quá trình nhập xuất của công ty lại diễn ra thường xuyên, liên tục nên hiện tại doanh nghiệp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi thẻ song song.

Ở kho:

Thủ kho sử dụng thẻ kho (Biểu số 13) để theo dõi tình hình biến động của từng thứ nguyên vật liệu về mặt hiện vật, nhằm xác định căn cứ cho việc tồn kho dự trữ nguyên vật liệu, đồng thời cũng xác định được trách nhiệm vật chất của thủ kho.

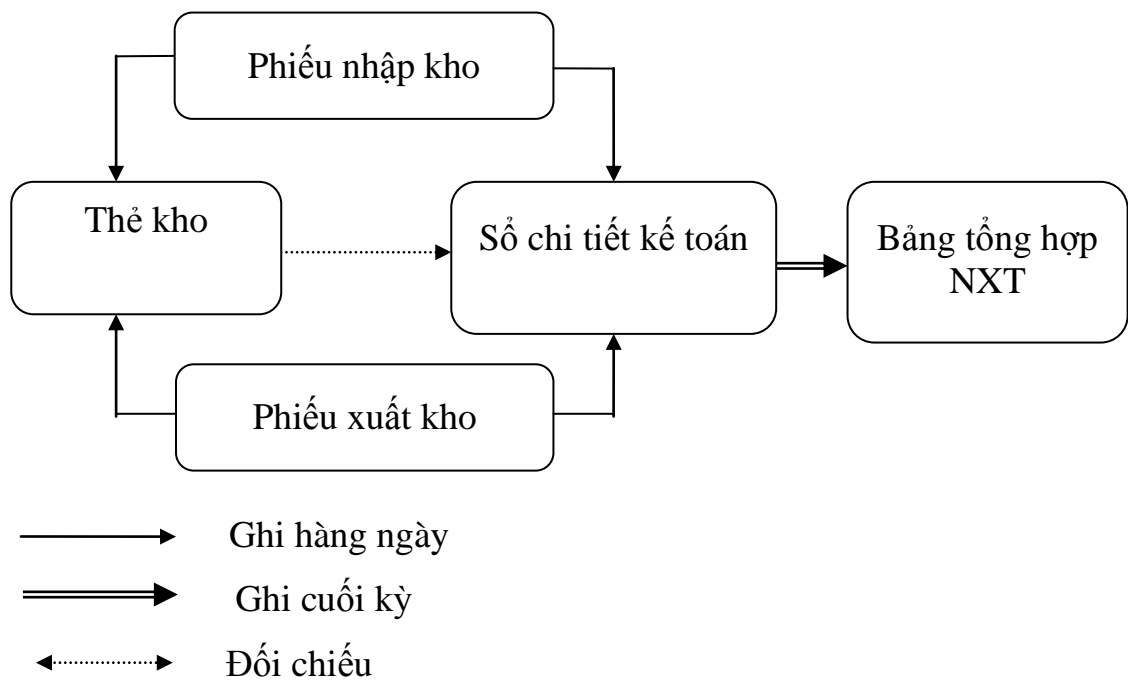
Mỗi thẻ kho dùng để ghi chép cho một thứ nguyên vật liệu. Hàng ngày khi có nghiệp vụ nhập ( xuất) nguyên vật liệu phát sinh sau khi thực hiện công việc nhập kho ( xuất kho) thủ kho sẽ ghi số lượng thực nhập ( thực xuất) vào phiếu nhập kho( Phiếu xuất kho). Căn cứ vào các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho (liên 2) thủ kho ghi số lượng thực nhập( thực xuất) vào thẻ kho, cuối ngày thủ kho tính ra số lượng tồn kho nguyên vật liệu để ghi chép vào cột “tồn” của thẻ kho. Các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho sau kho được sử dụng để ghi vào thẻ kho sẽ được thủ kho bảo quản để giao cho kế toán làm căn cứ ghi sổ kế toán.

Ở phòng kế toán:

Kế toán sử dụng sổ kế toán chi tiết (Biểu số 14) để ghi chép tình hình nhập xuất cho từng thứ vật tư theo cả hai chỉ tiêu số lượng và giá trị. Hàng tuần, nhân viên kế toán xuống kho để kiểm tra việc ghi chép của thủ kho, đồng thời ký xác nhận vào thẻ kho và nhận các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho về phòng kế toán. Ở phòng kế toán, kế toán vật tư kiểm tra chứng từ và hoàn chỉnh nốt chỉ



tiêu giá trị trên các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho. Đối với phiếu nhập kho, kế toán căn cứ vào hoá đơn GTGT( của người bán), các chứng từ khác liên qua để tính ra “Đơn giá”và “Thành tiền”. Còn đối với phiếu xuất kho, để giúp cho việc tính “Đơn giá” cho từng phiếu xuất được đơn giản, kế toán sử dụng chỉ tiêu số lượng trên phiếu xuất kho để ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu và từ sổ chi tiết nguyên vật liệu tính ra đơn giá xuất, tổng giá trị xuất của mỗi loại nguyên vật liệu xuất kho. Căn cứ vào đơn giá xuất trên sổ chi tiết nguyên vật liệu, kế toán hoàn thành nốt chỉ tiêu “Đơn giá”và “Thành tiền” trên phiếu xuất kho. Để có thể quản lý chi tiết nguyên vật liệu cả về hiện vật và giá trị, phòng kế toán của công ty đã sử dụng sổ chi tiết nguyên vật liệu ( Biểu số 14). Các sổ chi tiết này được mở chi tiết cho từng thứ nguyên vật liệu. Cơ sở để ghi sổ là các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho và sổ chi tiết kỳ trước.



**Ví dụ 7:**

Căn cứ vào phiếu nhập 01, phiếu xuất 01 và các phiếu nhập, phiếu xuất dầu diezenl tháng 12/ 2011 thủ kho ghi thẻ mặt hàng diezenl.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu số 13: Thẻ kho dầu Dienzenl**

Công ty TNHH TM và dịch vụ Tân Vũ  
Khu phố 3-2, thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng

Mẫu số 01 - VT  
(Ban hành theo QĐ số  
48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ  
trưởng BTC)

**THẺ KHO**

Ngày lập thẻ : 1/12/2011

Tờ số:

Tên nhãn hiệu, quy cách, vật tư : Dầu Dienzenl

Đơn vị tính: lít

Mã số:

STT	Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				<b>Dư đầu tháng</b>				<b>0</b>	
1	20/12	2		Nhập kho	20/12	770		770	
2	24/12	3		Nhập kho	24/12	980		1.750	
3	31/12	4		Nhập kho	31/12	970		2.720	
4	31/12		1	Xuất kho	31/12		1.587,63	1.132,37	
				Cộng số phát sinh		2.720	1.587,63		
				<b>Dư cuối tháng</b>				<b>1.132,37</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Thủ kho  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Giám đốc  
(ký, họ tên)

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**Biểu số 14: Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ tháng 12/2011**

**Công ty TNHH TM và dịch vụ Tân Vũ**

*Khu phố 3-2, thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng*

**SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)**

**Tháng 12/2011**

**Tài khoản: 152**

**Tên vật liệu: dầu Điezenl**

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		<b>Số dư đầu tháng</b>							-	-
PN02	20/12/2011	Mua dầu Điezenl	1111	18.090	770	14.314.300			770	14.314.300
PN03	31/12/2011	Mua dầu Điezenl	1121	18.090,909	980	18.219.091			1.750	32.533.391
PN04	25/12/2011	Mua dầu Điezenl	1111	18.090,909	970	18.034.182			2.720	50.567.573
PX 01	31/12/2011	Xuất VL vào chi phí	621	18.629,08			1.587,63	29.576.148	1.132,37	20.991.425
		<b>Cộng phát sinh</b>			2720	50.567.573	1.587,63	29.576.148		
		<b>Tồn cuối tháng</b>							<b>1.132,37</b>	<b>20.991.425</b>

Ngày Tháng Năm

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, đóng dấu, họ tên)



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Cuối tháng, kế toán tiến hành đối chiếu số liệu trên sổ chi tiết nguyên vật liệu với sổ trên thẻ kho, nếu khớp nhau (về số lượng) thì các số liệu trên sổ chi tiết nguyên vật liệu được dùng để lập "Bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu" (Biểu số 15).

**Công ty TNHH TM và dịch vụ Tân Vũ**

*Khu phố 3-2, thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng*

### **BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU**

*Tháng 12 năm 2011*

*Tên tài khoản: Nguyên liệu vật liệu -152*

*Đơn vị tính: VND*

STT	Tên quy cách vật liệu	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	Dầu Diezen	0	50.567.573	29.576.148	20.991.425
2	Dầu nhớt	0	15.191.393	0	15.191.393
	<b>Cộng</b>	0	65.758.966	29.576.148	36.182.818

Người lập biểu  
đọc

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Giám

(ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 15: Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu tháng 12**

**CHƯƠNG III :**  
**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN**  
**VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ**  
**TÂN VŨ**

**3.1. Đánh giá những ưu nhược điểm trong tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Thương mại và vận tải Tân Vũ.**

**3.1.1. Ưu điểm**

Trải qua thời gian tồn tại và phát triển, công ty TNHH Thương mại và vận tải Tân Vũ đã thường xuyên đổi mới phương thức quản lý, đáp ứng yêu cầu không ngừng mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh chiếm được lòng tin của khách hàng. Việc xây dựng được cơ cấu quản lý phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của mình đã phục vụ đắc lực cho quá trình kinh doanh, góp phần nâng cao đời sống của cán bộ công nhân viên và đóng góp vào ngân sách Nhà nước của công ty Tân Vũ Transco.

– *Về tổ chức bộ máy quản lý:*

Với hình thức quản lý trực tuyến - chức năng, bộ máy quản lý tổ chức của Tân Vũ Transco gọn nhẹ, thống nhất. Bên dưới ban lãnh đạo, các phòng ban được xây dựng hợp lý, trực tiếp phụ trách các vấn đề thuộc chuyên môn nghiệp vụ của mình, đồng thời các nhân viên bố trí thực hiện nhiệm vụ từ công ty đưa xuống đảm bảo chất lượng được giao.

– *Về tổ chức bộ máy kế toán:*

Công ty TNHH Thương mại và vận tải Tân Vũ hiện có bộ máy kế toán tổ chức tương đối gọn nhẹ, hoạt động hiệu quả, thực hiện theo đúng chế độ hiện hành, phù hợp với quy mô của công ty. Với mô hình kế toán tập trung và áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung, bộ máy kế toán đã phát huy hiệu quả của mình trong việc tăng cường hạch toán phục vụ cho quản lý và công tác kế toán nguyên vật liệu.

Trong phòng Tài chính - Kế toán, các nhân viên kế toán có trình độ tay

nghe phù hợp, nhiệt tình với công việc đã tạo điều kiện tốt cho công tác hạch toán.

Trong công tác kế toán có sự phân công phân nhiệm vụ cụ thể đến từng cán bộ với từng phần hành kế toán một cách hợp lý. Các nhân viên kế toán phải chịu trách nhiệm trực tiếp trước kế toán trưởng về phần hành của mình đảm bảo cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng kịp thời cho đối tượng sử dụng.

Cùng với sự nỗ lực phấn đấu của toàn bộ cán bộ công nhân viên trong công ty, tập thể cán bộ phòng Tài chính - Kế toán không ngừng trau dồi trình độ nghiệp vụ của mình, trở thành công cụ đắc lực trong công tác hạch toán của công ty. Phòng Tài chính – Kế toán đã thực hiện tốt các công việc của mình từ việc thu nhận, xử lý, nhập dữ liệu và công tác kết chuyển cuối tháng, tính giá thành sản phẩm, xác định kết quả kinh doanh. Việc sử dụng các chứng từ cũng như trình tự luân chuyển chứng từ thực hiện theo đúng quy định của Bộ tài chính ban hành. Tân Vũ Transco đã thực hiện đúng các chế độ hạch toán kinh tế, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước đầy đủ.

– *Về hình thức kế toán, chứng từ, sổ sách:*

Hình thức kế toán công ty áp dụng là hình thức kế toán nhật ký chung. Đây là hình thức kế toán với nhiều ưu điểm về tính đơn giản, dễ hiểu, tiết kiệm và hiệu quả. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, đây là phương pháp đang được sử dụng phổ biến ở nước ta. Công ty vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ tài chính. Hệ thống chứng từ được lập, kiểm tra, luân chuyển phù hợp với nghiệp vụ kinh tế phát sinh đồng thời phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác, đảm bảo thông tin nhanh nhạy, hiệu quả.

Hiện nay, công ty thực hiện việc lập báo cáo kết quả kinh doanh một năm một lần, song hàng tháng công ty vẫn thực hiện xác định kết quả kinh doanh cho tháng đó và lập báo cáo quản trị để gửi lên ban lãnh đạo công ty để kịp thời theo dõi, đánh giá và có những biện pháp hữu hiệu nhất để có thể tăng doanh thu trong năm tới. Đây là việc làm tốt công ty cần phát huy và thực hiện thường

xuyên.

– *Về công tác kế toán nguyên vật liệu:*

Góp phần làm nên vị trí quan trọng của phòng Tài chính – Kế toán hôm nay phải kể đến bộ phận kế toán nguyên vật liệu đã phản ánh chặt chẽ, toàn diện tài sản, tiền vốn của công ty, cung cấp thông tin một cách chính xác và kịp thời, phục vụ tốt cho công tác quản lý, phân tích lập kế hoạch và công tác lãnh đạo. Việc hạch toán nguyên vật liệu được doanh nghiệp thực hiện theo đúng chuẩn mực kế toán số 02 về hàng tồn kho. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán nguyên vật liệu, phương pháp này có nhiều ưu điểm vì hàng tồn kho, đặc biệt là nguyên vật liệu luôn được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, liên tục, kịp thời, phù hợp với đặc điểm, lĩnh vực sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp kinh doanh. Hơn nữa, phương pháp hạch toán này đã giúp công ty quản lý, theo dõi kiểm tra nguyên vật liệu chính xác, kịp thời hơn. Để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu. Công ty áp dụng phương pháp thẻ song song. Với phương pháp này giúp cho phòng kế toán có thể theo dõi chặt chẽ từng loại nguyên vật liệu, đồng thời việc kiểm tra, đối chiếu sổ và chứng từ cũng đơn giản. Việc ghi chép các thẻ kho và việc xử lý các nghiệp vụ về nguyên vật liệu phát sinh được công ty thực hiện kịp thời và đầy đủ. Điều này giúp cho việc đối chiếu giữa thẻ kho và các sổ chi tiết được chính xác, việc quản lý được dễ dàng và kịp thời.

Về khâu xuất dùng: Nguyên vật liệu được dùng đúng mục đích sản xuất và quản lý sản xuất dựa trên định mức vật liệu trước khi xuất vật liệu sản xuất. Điều này giúp cho việc quản lý nguyên vật liệu xuất vào sản xuất một cách chặt chẽ và là cơ sở chủ yếu cho việc phân đấu hạ giá thành sản phẩm của Tân Vũ Transco.

Về khâu thu mua nguyên vật liệu: Tân Vũ Transco đã tổ chức được bộ phận tiếp liệu chuyên đảm nhận công tác thu mua nguyên vật liệu trên cơ sở đã xem xét, cân đối giữa kế hoạch sản xuất và hợp đồng đã ký kết. Việc thu mua được tiến hành quy củ, chặt chẽ, không để phát sinh những chi phí không cần thiết và để cân bằng được giữa chất lượng, số lượng vật tư và hiệu quả kinh tế.



Điều này là do Tân Vũ Transco đã làm tốt từ khâu chọn lựa nhà cung cấp, kí kết hợp đồng, nhận hàng cũng như kiểm định chất lượng. Chất lượng nguyên vật liệu đầu vào luôn được phòng kỹ thuật kiểm định chặt chẽ và chịu trách nhiệm trực tiếp trước Ban giám đốc về chất lượng vật tư mua về.

Về khâu dự trữ: Với khối lượng vật tư sử dụng tương đối lớn nhưng công ty vẫn đảm bảo cung cấp đầy đủ kịp thời cho sản xuất, không để tình trạng ứ đọng nhiều nguyên vật liệu hoặc ngừng thực hiện hợp đồng. Có được điều này là do Tân Vũ Transco đã tổ chức tốt kế hoạch sản xuất cho từng hợp đồng. Trên cơ sở đó, xác định mức dự trữ nguyên vật liệu cần thiết, hợp lý đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh không bị gián đoạn.

Về khâu bảo quản: Hệ thống kho tàng của công ty được bố trí tương đối hợp lý, phù hợp với cách phân loại vật liệu. Thêm vào đó, giữa bộ phận kho và phòng kỹ thuật luôn có sự phối hợp để chất lượng vật tư luôn được đảm bảo từ khâu thu mua và bảo quản đến khi xuất dùng.

Tóm lại, quy trình mua, cấp phát và bảo quản nguyên vật liệu tại công ty Tân Vũ Transco được tổ chức chặt chẽ, khoa học, đã lựa chọn phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu phù hợp.

### **3.1.2. Hạn chế**

– Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Tân Vũ là một doanh nghiệp dịch vụ. Để phục vụ tốt cho yêu cầu quản lý cần phải biết được một cách đầy đủ, cụ thể số hiện có và tình hình biến động của từng loại nguyên vật liệu được sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp, đồng thời tiết kiệm thời gian trong việc đối chiếu giữa kho và phòng kế toán. Vấn đề đặt ra là muốn tìm kiếm thông tin về nguyên vật liệu nào thì nguyên vật liệu đó phải được phân chia chi tiết theo tính năng lý hóa, theo quy cách phẩm chất và quan trọng hơn là phải được mã hóa thành một hệ thống đảm bảo tính logic để sử dụng trong toàn công ty” Lập tiểu khoản TK 152”. Tuy nhiên, công ty Tân Vũ Transco chưa lập tiểu khoản nguyên vật liệu.

– Về việc luân chuyển chứng từ: Việc luân chuyển chứng từ giữa phòng kinh doanh, phòng kế toán và thủ kho diễn ra thường xuyên, tuy nhiên giữa các

bộ phận, phòng ban này đều không có biên bản giao nhận, dễ xảy ra tình trạng mất mát chứng từ. Khi xảy ra mất mát chứng từ lại không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý, làm cho cán bộ công nhân viên thiếu trách nhiệm, buông lỏng việc quản lý chứng từ.

– Về chế độ kế toán: Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Tân Vũ áp dụng chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ- BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính. Theo quyết định số 48 không sử dụng các tài khoản 621, 622, 627, tuy nhiên công ty vẫn sử dụng các tài khoản trên theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC.

### **3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Thương mại và vận tải Tân vũ.**

#### **3.2.1. Sự cần thiết và các yêu cầu của việc hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty Tân Vũ Transco.**

Để xây dựng được thương hiệu Tân Vũ Transco như ngày nay từ ngày chính thức đi vào sản xuất kinh doanh, tập thể cán bộ, công nhân, viên chức của Công ty đã phải có sự nỗ lực toàn diện ở tất cả các mặt từ việc hoạch định đến hoàn thành các chiến lược sản xuất và kinh doanh. Trong suốt quá trình đó, công tác kế toán của công ty đã được hoàn thiện dần để đạt được tính khoa học và tiết kiệm. Không đơn thuần là phản ánh chính xác, toàn diện tình hình sản xuất kinh doanh mà công tác kế toán của Công ty còn thực sự tìm ra những biện pháp để cải thiện và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, luôn là “công cụ” đắc lực giúp ban giám đốc quản lý và phát triển công ty.

Đối với một doanh nghiệp dịch vụ như Tân Vũ Transco thì yếu tố quan trọng nhất vẫn là sự tin tưởng và hài lòng của khách hàng, tạo ra những sản phẩm dịch vụ tốt với giá thành phù hợp. Muốn được như vậy thì công tác kế toán nguyên vật liệu phải luôn được chú trọng hoàn thiện để doanh nghiệp có thể quản lý tốt và tối ưu hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu, góp phần tính toán chính xác và hạ thấp được giá thành dịch vụ. Bởi nguyên vật liệu thường chiếm từ 60 đến 70% chi phí trong giá thành dịch vụ. Hiểu được sự cần thiết này, cùng với các phần hành khác, kế toán nguyên vật liệu tiếp tục được Ban giám đốc và

phòng Tài chính - kế toán của Tân Vũ Transco quan tâm nghiên cứu để hoàn thiện.

Bên cạnh việc đảm bảo được các nguyên tắc quan trọng trong công tác kế toán (như nguyên tắc nhất quán, nguyên tắc thận trọng) và các yêu cầu cơ bản (như yêu cầu về tính khách quan, trung thực, đầy đủ và kịp thời), việc hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu còn phải đáp ứng được các yêu cầu sau:

Các biện pháp hoàn thiện phải xây dựng trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán hiện hành. Tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế được phép vận dụng và cải tiến cho phù hợp với tình hình quản lý ở đơn vị mình, không bắt buộc phải dập khuôn theo chế độ nhưng trong khuôn khổ nhất định vẫn phải tôn trọng về quản lý tài chính.

Hoàn thiện công tác kế toán phải phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Hệ thống kế toán ban hành bắt buộc các doanh nghiệp phải áp dụng, nhưng được quyền vận dụng trong một phạm vi nhất định phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp nhằm mang lại hiệu quả cao.

Công tác kế toán phải đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Yêu cầu này có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc đưa ra các quyết định của nhà quản trị doanh nghiệp.

Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu phải trong mối quan hệ thống nhất với các phần hành kế toán khác, giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, kế toán tài chính và kế toán quản trị. Kế toán nguyên vật liệu cũng như các phần hành kế toán khác chỉ là một bộ phận trong toàn bộ công tác kế toán của doanh nghiệp, giữa chúng có mối quan hệ mật thiết, khăng khít với nhau, bổ sung cho nhau, không thể thiếu một bộ phận kế toán nào. Vì vậy, bất kỳ một phần hành kế toán nào yếu kém sẽ đều ảnh hưởng tới các phần hành kế toán khác và do đó tác động xấu tới cả hệ thống kế toán của doanh nghiệp.

Hoàn thiện nhưng vẫn phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp xét cho đến cùng là lợi nhuận.

### **3.2.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Thương mại và vận tải Tân Vũ.**

#### **3.2.2.1. Hoàn thiện việc sử dụng các tiểu khoản nguyên vật liệu.**

Công ty đang tiến hành phân loại nguyên vật liệu theo vai trò và công dụng của chúng trong quá trình sản xuất kinh doanh. Trong quá trình hạch toán tổng hợp Công ty đã sử dụng tài khoản 152. Tuy nhiên, tất cả các nguyên vật liệu đều được công ty hạch toán chung trong tài khoản 152, bao gồm cả dầu diezenl, dầu nhớt, dầu Do...Nhu vậy, thực chất nguyên vật liệu không được phân loại chi tiết trong quá trình hạch toán. Việc phân loại chi tiết theo từng nhóm nguyên vật liệu trong hạch toán kế toán tại công ty là rất cần thiết.

Theo em, công ty nên mở thêm và sử dụng các tiểu khoản như sau trong hạch toán nguyên vật liệu:

- TK 1521 : dầu Dienzenl
- TK 1522: dầu nhớt
- TK 1523: dầu Do
- TK 1528: Vật liệu khác.

Việc hạch toán nguyên vật liệu theo tiểu khoản có hai lợi ích đối với hoạt động kế toán và sản xuất của doanh nghiệp

- Công tác quản lý nguyên vật liệu trở nên dễ dàng hơn không chỉ về mặt số lượng mà quan trọng hơn là về mặt giá trị. Việc quản lý theo đó cũng được chi tiết, chặt chẽ và hiệu quả hơn .

- Sau khi đã hạch toán nguyên vật liệu theo tiểu khoản, giá trị nguyên vật liệu xuất kho cho sản xuất cũng như chi phí nguyên vật liệu sẽ được chi tiết theo từng nhóm nguyên vật liệu. Quá trình xác định và hạch toán chi phí nguyên vật liệu khi tính giá thành dịch vụ cũng được cụ thể hóa theo từng nguyên vật liệu với chức năng, vai trò riêng, từ đó, tạo điều kiện dễ dàng, thuận lợi trong kiểm soát chi phí nguyên vật liệu cũng như khi muốn tìm cách giảm chi phí nguyên

vật liệu hay so sánh chi tiết chi phí nguyên vật liệu trong giá thành dịch vụ qua các kỳ.

**3.2.2.2. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ:**

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao và nhận chứng từ đều phải ký vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý. Việc làm này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của công ty, hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ công nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

**Biểu 3.1. Phiếu giao nhận chứng từ nhập kho hoặc xuất kho**

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại và vận tải Tân Vũ

Địa chỉ: khu phố 3/2, TT Vĩnh Bảo, h.Vĩnh Bảo,HP

**PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ  
NHẬP KHO HOẶC XUẤT KHO**

Từ ngày ... , đến ngày...

Nhóm nguyên vật liệu	Số lượng	Số hiệu chứng từ	Số tiền
A	1	B	2

Ngày ...tháng ...năm

Người nhận

( ký,họ tên)

Người giao

( ký,họ tên)

**Ví dụ 8:**

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 083398( Biểu số 1), phòng vật tư lập phiếu yêu cầu nhập vật tư ( Biểu số 2), sau khi kiểm nghiệm xong, thủ kho làm thủ tục nhập kho đồng thời viết phiếu giao nhận chứng từ nhập kho. Khi nhận được các chứng từ này kế toán vật tư kiểm tra, đối chiếu dung làm căn cứ để ghi vào phiếu nhập kho số 1( Biểu số 03).

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại và vận tải Tân Vũ

Địa chỉ: khu phố 3/2, TT Vĩnh Bảo, h.Vĩnh Bảo,HP

**PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ  
NHẬP KHO HOẶC XUẤT KHO**

Từ ngày 20/12, đến ngày

DVT: đồng

Nhóm nguyên vật liệu	Số lượng	Số hiệu chứng từ	Số tiền
A	1	B	2
Dầu Dienzenl	770 lít	PN 02	13.929.300

Ngày 20 tháng 12 năm

Người nhận  
( ký,họ tên)

Người giao  
( ký,họ tên)

**Ví dụ 9:**

Căn cứ vào Lệnh xuất kho vật tư số 01/12 và phiếu xin lĩnh vật tư đi kèm ( Biểu số 4). Kế toán tiến hành định khoản, lập phiếu xuất kho số 01( Biểu số 5), đồng thời viết phiếu giao nhận chứng từ liên quan đến việc xuất kho vật liệu vào chi phí.

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại và vận tải Tân Vũ

Địa chỉ: khu phố 3/2, TT Vĩnh Bảo, h.Vĩnh Bảo,HP

**PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ  
NHẬP KHO HOẶC XUẤT KHO**

Từ ngày 31/12, đến ngày

DVT: đồng

Nhóm nguyên vật liệu	Số lượng	Số hiệu chứng từ	Số tiền
A	1	B	2
Dầu Dienzenl	1.578,63 lít	PX 01	29.576.148

Ngày 31 tháng 12 năm

Người nhận  
( ký,họ tên)

Người giao  
( ký,họ tên)



**3.2.2.3. Chính sửa tài khoản cho phù hợp.**

Xuất vật liệu hạch toán vào tài khoản 154 luôn thay vì hạch toán vào tài khoản 621.

**Ví dụ 10:**

Căn cứ vào Lệnh xuất kho vật tư số 01/12 và phiếu xin nghị lĩnh vật tư đi kèm( Biểu số 04), Kế toán tiến hành định khoản và lập phiếu xuất kho số 01( Biểu số 05).

**Công ty TNHH TM và dịch vụ Tân Vũ**

*Khu phố 3-2 , thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng*

**PHIẾU XIN LĨNH VẬT TƯ**

Tên tôi là: Hoàng Quang Hậu

Thuộc bộ phận: Kinh doanh

Lý do: Xuất nguyên vật liệu vào chi phí

Đề nghị cấp một số vật tư như sau:

STT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	
			Đề nghị	Thực hiện
1	Dầu diizenl	lít	1.578,63	

**Thủ trưởng đơn vị**  
(ký, họ tên)

**Phụ trách bộ phận**  
(ký, họ tên)

**Người yêu cầu**  
(ký, họ tên)

***Biểu số 04: Phiếu xin lĩnh vật tư***

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## ***Biểu số 16: Phiếu xuất kho số 01***

Công ty TNHH TM và dịch vụ Tân Vũ  
Bộ phận: Vật tư

**Mẫu số 01 - VT**  
(Ban hành theo QĐ số  
48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ  
trưởng BTC)

### **PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 01

Nợ: 154

Có: 152

Họ và tên người nhận: Hoàng Quang Hậu  
Theo tháng ... năm ... 2011  
của .....

Xuất tại kho công ty địa điểm: Khu phố 3-2, TT Vĩnh Bảo, h. Vĩnh Bảo- HP

S T T	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Dầu Dienzenl		lít	PN 01	1.578,63	18.629	29.576.148
Cộng:							29.576.148

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai chín triệu năm trăm bảy sáu nghìn một trăm bốn tám đồng.

Số chứng từ gốc kèm theo: 1  
phiếu xin lĩnh vật tư

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người nhận**  
(Ký, họ tên)

**Thủ kho**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**Biểu số 17: Trích sổ Nhật ký chung tháng 12/2011**

**Công ty TNHH TM và vận tải Tân Vũ**

**Tháng 12 năm 2011**

**NHẬT KÝ CHUNG**

PC 01	02/12/2011	Ttoán mua nhót	152	1111	15.191.393
PC 01	02/12/2011	VAT được khấu trừ	1331	1111	1.508.687
		.....			
PC 04	07/12/2011	Nộp tiền vào TK	1121	1111	3.000.000
PC 05	08/12/2011	Ttoán lệ phí công chứng	6428	1111	22.000
PC 06	08/12/2011	T toán cước VNPT	6428	1111	252.052
PC 06	08/12/2011	VAT được khấu trừ	1331	1111	25.205
		.....			
PT 02	11/12/2011	Thuế GTGT phải nộp	1111	3331	1.650.000
PC 07	15/12/2011	Nộp thuế GTGT tháng 11/2011	3331	1111	10.893.308
<b>PC 08</b>	<b>20/12/2011</b>	<b>Ttoán mua dầu điêzenl</b>	<b>152</b>	<b>1111</b>	<b>14.314.300</b>
<b>PC 08</b>	<b>20/12/2011</b>	<b>VAT được khấu trừ</b>	<b>1331</b>	<b>1111</b>	<b>1.392.930</b>
PC 09	24/12/2011	Ttoán mua dầu điêzenl	152	1111	18.219.091
PC 09	24/12/2011	VAT được khấu trừ	1331	1111	1.772.909
		.....			
PC 13	31/12/2011	Ttoán mua dầu điêzenl	152	1111	18.033.182
PC 13	31/12/2011	VAT được khấu trừ	1331	1111	1.754.818
PC 14	31/12/2011	Ttoán lương CNV tháng 12/2011	3341	1111	35.000.000
		.....			
PHT	31/12/2011	K/C thuế GTGT được Khấu trừ tháng 12/2011	3331	1331	7.174.549
PHT	31/12/2011	Trích KH CB TSCĐ tháng 12/2011	154	214	28.229.000
PHT	31/12/2011	Trích lương CBCNV tháng 12/2011			
		- Cphí Lương NVQL	6421	3341	15.000.000
		- C phí Lương CN trực tiếp	622	3341	20.000.000
<b>PHT</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>Xuất kho VL vào CP</b>	<b>154</b>	<b>152</b>	<b>29.576.148</b>
PHT	31/12/2011	PBỔ CP TT NH	154	142	3.590.000
PHT	31/12/2011	HT giảm CP SX do năm 2009 trích trước	335	154	24.000.000
K/C1	31/12/2011	K/C Cp NC TT vào Z	154	622	20.000.000
K/C2	31/12/2011	K/C Doanh thu bán hàng	511	911	121.500.000
K/C3	31/12/2011	K/C DT HĐ TC	515	911	10.440
K/C4	31/12/2011	K/C CPSX DD sang tiêu thụ	632	154	57.395.148
K/C5	31/12/2011	K/C giá vốn hàng bán	911	632	57.395.148
K/C6	31/12/2011	K/C CP QL DN			
		- CP NVQL	911	6421	15.000.000
		- CP bằng tiền khác	911	6428	8.346.783
KC-7	31/12/2011	K/C lãi lỗ	911	4212	40.768.509

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Công ty TNHH TM và dịch vụ Tân Vũ**

*Khu phố 3-2, thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng*

## **SỔ CÁI**

Tháng 12/2011

Số hiệu tài khoản 154-Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b><u>SDĐK</u></b>			
			<b>Số phát sinh trong tháng</b>			
31/12/2011	PHT	31/12/2011	Trích KH CB TSCĐ tháng 12/2011	214	28.229.000	
31/12/2011	PHT	31/12/2011	Xuất kho vật liệu vào chi phí	152	29.576.148	
31/12/2011	PHT	31/12/2011	Phân bổ chi phí TT NH	142	3.590.000	
31/12/2011	PHT	31/12/2011	HT giảm CPSX do năm 2009 trích trước	335		24.000.000
31/5/2011	KC-1	31/5/2011	K/C CP NC TT vào Z	622	20.000.000	
31/5/2011	KC-4	31/5/2011	K/C CPSX DD sang tiêu thụ	632		57.395.148
			<b>Cộng SPS</b>		<b>81.395.148</b>	<b>81.395.148</b>
			<b><u>SDCK</u></b>		<b>0</b>	

**Biểu số 18: Sổ cái tài khoản 154**

## KẾT LUẬN

Qua thời gian tìm hiểu thực tế tại Công ty TNHH Thương mại và vận tải Tân Vũ, em nhận thấy rõ được tầm quan trọng và sự ảnh hưởng to lớn của công tác kế toán nguyên vật liệu tới quá trình sản xuất kinh doanh của công ty. Hạch toán nguyên vật liệu là công cụ đắc lực giúp cho lãnh đạo Công ty nắm bắt được tình hình và chỉ đạo sản xuất cũng như việc lập kế hoạch thu mua, sử dụng và chi tiêu nguyên vật liệu thích hợp từ đó có ý nghĩa quyết định đến việc hạ giá thành công trình, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Như vậy, có thể thấy tổ chức kế toán nguyên vật liệu đóng vai trò rất quan trọng là nhu cầu tất yếu của công tác quản lý. Công tác kế toán nguyên vật liệu cần phải được quan tâm đúng mức, luôn được hoàn thiện và đổi mới.

Đề tài là kết quả của sự vận dụng lý luận vào thực tế, bám sát thực tế công tác kế toán nguyên vật liệu tại đơn vị. Ba vấn đề lớn, có ý nghĩa hết sức quan trọng trong phạm vi nghiên cứu đã được đề tài làm sáng tỏ đó là:

- Những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp
- Thực trạng tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Thương mại và vận tải Tân Vũ
- Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu được xây dựng trên cơ sở thực tế tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại một doanh nghiệp dịch vụ.

Em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ chi dẫn tận tình của cán bộ Phòng kế toán công ty TNHH Thương mại và vận tải Tân Vũ và đặc biệt là cô giáo Th.s Nguyễn Thị Thúy Hồng trong thời gian qua đã tạo điều kiện cho em hoàn thành luận văn này.

Hải Phòng, ngày 25 tháng 06 năm 2012  
Sinh viên  
Nguyễn Thị Minh Châm

## MỘT SỐ TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hướng dẫn thực hành kế toán trên sổ kế toán theo các hình thức:
  - Nhật ký chung
  - Nhật ký sổ cái
  - Nhật ký chứng từ
  - Chứng từ ghi sổ

TS Võ Văn Nhị- Th.s Nguyễn Thế Lộc

Th.s Vũ Thu Hằng- Th.s Lý Thị Bảo Châu
2. Kế toán tài chính, Nhà xuất bản tài chính năm 1999, tác giả: PGS. TS Ngô Thế Chi và TS Nguyễn Đình Đỗ.
3. Kế toán tài chính, nhà xuất bản thống kê năm 2000, tác giả : TS Võ Văn Nhị.
4. Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp.
5. Một số trang web như: Webketoan.com, mò.gov.com.vn....
6. Những điều cần biết về chế độ hiện hành Nguyễn Xuân ( biên soạn và sưu tầm )
7. Số liệu phòng kế toán của Công ty TNHH Thương mại và vận tải Tân Vũ

**MỤC LỤC**

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG I NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP</b> .....	3
1.1 Một số vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu .....	3
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của nguyên vật liệu .....	3
1.1.2. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp .....	3
1.1.3. Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu.....	4
1.1.3.1. Phân loại nguyên vật .....	4
1.1.3.2. Đánh giá nguyên vật liệu.....	7
1.1.3.2.1. Nguyên tắc đánh giá nguyên vật liệu.....	7
1.1.3.2.2. Đánh giá nguyên vật liệu.....	7
1.1.4. Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu .....	12
1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	13
1.2.1. Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	13
1.2.1.1. Phương pháp thẻ song song .....	14
1.2.1.2. Phương pháp sổ số dư .....	16
1.2.2. Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	19
1.2.2.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên. ....	21
1.2.2.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ. ....	24
1.3. Tổ chức sổ sách kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo các hình thức kế toán... ..	27
<b>CHƯƠNG II THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI TÂN VŨ</b> .....	30
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty .....	30
2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty TNHH Thương mại và Vận tải Tân Vũ. ....	31
2.1.3. Đặc điểm bộ máy quản lý của công ty TNHH Thương Mại và Vận Tải Tân Vũ.....	31

2.1.4. Đặc điểm bộ máy kế toán của công ty TNHH Thương Mại và Vận Tải Tân Vũ .....	33
2.1.5. Đặc điểm hình thức kế toán của công ty TNHH Thương Mại và Vận Tải Tân Vũ.....	34
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Thương Mại và Vận Tải Tân Vũ.....	36
2.2.1. Một số đặc điểm cơ bản về nguyên vật liệu tại công ty TNHH Thương Mại và Vận Tải Tân Vũ.....	36
2.2.1.1. Đặc điểm công tác quản lý .....	36
2.2.1.4. Thủ tục nhập - xuất nguyên vật liệu.....	39
2.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại Tân Vũ Transco. ....	40
2.2.2.1. Chứng từ sử dụng: .....	41
2.2.2.3. Quy trình hạch toán.....	41
2.2.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty TNHH Thương mại và vận tải Tân Vũ.....	56
<b>CHƯƠNG III : HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TÂN VŨ .....</b>	<b>62</b>
3.1. Đánh giá những ưu nhược điểm trong tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Thương mại và vận tải Tân Vũ. ....	62
3.1.1. Ưu điểm.....	62
3.1.2. Hạn chế.....	65
3.2.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Thương mại và vận tải Tân Vũ. ....	68
3.2.2.1. Hoàn thiện việc sử dụng các tiêu khoản nguyên vật liệu.....	68
3.2.2.2. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ:.....	69
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>77</b>